

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẢM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 6103000065 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký sửa đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 7 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số 234/2010/QĐ-HCM do Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, Phường 8, TP: Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (84.780) 3831608 Fax: (84.780) 3580827

Email: camimex@hcm.com.vn

Website: www.camimex.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Hồ Văn Dón

Số điện thoại: 0917 600 900

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 6103000065 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký sửa đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 7 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: do Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày ... tháng ... năm ...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (84.780) 3831608 Fax: (84.780) 3580827

Email: camimex@hcm.com.vn

Website: www.camimex.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Hồ Văn Dòn

Số điện thoại: 0917 600 900

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 6103000065 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký sửa đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 7 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết:	11.496.797 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết:	114.967.970.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)



Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38272295 Fax: 08 38272300
Website: www.auditconsult.com.vn

Chi nhánh Cần Thơ:

Địa chỉ: 162C/4 Trần Ngọc Quế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: (84 – 071) 3764995 Fax: (84 – 071) 3764996

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG



Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84.4) 3726 2600 Fax (84.4) 3726 2601
Website: www.thanglongsc.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Q. 1, TP. HCM
Điện thoại: (84 - 08) 3910 6411 Fax: (84 - 08) 3910 6153

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.	Rủi ro về kinh tế:	1
2.	Rủi ro về luật pháp:	1
3.	Rủi ro đặc thù:.....	1
4.	Rủi ro khác:.....	2
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH.....	2
1.	Tổ chức niêm yết.....	2
2.	Tổ chức tư vấn.....	3
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	3
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	7
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: Trang sau.....	8
4.	Danh sách cổ đông	14
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con:.....	16
6.	Hoạt động kinh doanh	16
6.1	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	16
6.2	Nguyên vật liệu	20
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	31
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:	31
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	34
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	36
9.	Chính sách đối với người lao động.....	42
10.	Chính sách cổ tức	44
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	45
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản (<i>trong năm 2009</i>).....	45
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	48
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	50
13.	Tài sản.....	58
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012:.....	59
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:	61
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện:.....	61
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:.....	63
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	63
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	68
VII.	PHỤ LỤC.....	68



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế:

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng từ đầu năm 2009 đến nay khá ổn định, chỉ số giá tiêu dùng năm 2009 so với năm 2008 là 6,88%, ở mức khống chế mà chính phủ đề ra từ đầu năm. Tuy nhiên theo thường lệ ở những tháng cuối năm chỉ số lạm phát thường tăng cao hơn do nhu cầu hàng hoá tăng chuẩn bị cho dịp tết truyền thống của Việt Nam. Lạm phát tăng cao sẽ kéo theo giá nguyên liệu đầu vào tăng, dẫn đến giá thành sản phẩm sẽ tăng cao trong khi giá bán không theo kịp tốc độ tăng của chi phí đầu vào.

Với sự hội nhập kinh tế trên thế giới hiện nay, khi nền kinh tế lâm vào tình trạng suy thoái như giai đoạn từ cuối năm 2008, trong khi sản phẩm của Camimex chủ yếu là xuất khẩu, vì vậy sự biến động của nền kinh tế thế giới có ảnh hưởng rất mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, rủi ro kinh tế là một yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp:

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân...Việc niêm yết trên thị trường chứng khoán là những lĩnh vực còn rất mới mẻ. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Sau khi chính thức gia nhập WTO, các công ty Việt Nam có thêm cơ hội để mở rộng thị trường ra nước ngoài, nhưng bên cạnh đó cũng sẽ chịu tác động bởi hệ thống luật pháp của các quốc gia khác.

3. Rủi ro đặc thù:

Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: Ngoài một phần nhỏ tôm sú nguyên liệu do Công ty tự nuôi, phần lớn nguyên liệu tôm do Công ty mua bên ngoài. Do đó, các biến động của thị trường nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Rủi ro về tỷ giá: Doanh thu của Công ty chủ yếu từ xuất khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Khi tỷ giá USD/VND tăng sẽ có lợi cho những doanh nghiệp xuất khẩu, tuy nhiên khi tỷ giá giảm sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhu cầu thủy sản ở các thị trường truyền thống và lớn nhất là Nhật, EU và Mỹ vẫn tiếp tục tăng trong thời gian mấy năm trở lại đây. Tuy nhiên, với tình hình nền kinh tế thế giới mới thoát khỏi tình trạng suy thoái như hiện nay, mức tiêu dùng đang ở mức thấp, trong đó nhu cầu thủy sản sẽ không nằm ngoài mức suy giảm này. Mặt khác, việc xâm nhập vào các thị trường này vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là qui định của nước nhập khẩu về vệ sinh an toàn thực phẩm ngày càng nghiêm ngặt, ngày càng ít kháng sinh, hoá chất được sử dụng, các mức giới hạn cho phép ngày càng thấp, tần suất lấy mẫu hàng nhập khẩu tăng khi cần thiết và thiết bị phân tích ngày càng có độ nhạy cao.

Rủi ro từ các vụ kiện chống bán phá giá: Với việc Việt Nam ngày càng phải đối mặt với nhiều vụ kiện thương mại đối với các mặt hàng thủy sản xuất khẩu trên các thị trường lớn như Mỹ và EU, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch tăng trưởng xuất khẩu và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên bình diện quốc tế. Bên cạnh đó, các vụ kiện này cũng có những tác động tiêu cực rất lớn đến những vấn đề xã hội như: việc làm, thu nhập cho người lao động....

4. Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Bà: Nguyễn Thị Tuyết	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn An Ninh	Chức vụ: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông: Hồ Văn Dòn	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
Ông: Đào Công Khanh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát



Ông: Trần Quốc Phong Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG



Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3726 2600

Fax (84.4) 3726 2601

Website: www.thanglongsc.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Q. 1, HCM

Điện thoại: (84 - 08) 3910 6411

Fax: (84 – 08) 3910 6153

Đại diện theo pháp luật: Bà Thẩm Thị Thúy

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM, CHỮ VIẾT TẮT

1. Các khái niệm:

Tổ chức niêm yết	Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Tổ chức Tư vấn niêm yết	Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long - Chi nhánh TP.HCM
Công ty	Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Camimex	Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công



	chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
Các báo cáo tài chính	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010
Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau thông qua
Vốn điều lệ	Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ đông	Các chủ sở hữu là cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ cổ phần của Công ty
Sổ cổ đông	Chứng chỉ do Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau phát hành nhằm xác nhận quyền sở hữu phần vốn góp trong Công ty
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính
Đại hội đồng cổ đông	Là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Hội đồng quản trị	Là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Ban Kiểm soát	Là Ban kiểm soát của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Ban Tổng Giám đốc	Là Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
Người có liên quan	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: ☒ Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;



- ✎ Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- ✎ Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, các Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- ✎ Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- ✎ Công ty mẹ, Công ty con;
- ✎ Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia

2. Chữ viết tắt

VASEP	Vietnam Association of Seafood Exporters and Producers – Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam
SCIC	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
TLS	Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long
WTO	World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới
DOC	Department Of Commerce – Bộ Thương mại Mỹ
EU	European Union – Liên minh Châu Âu
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
QM	Quality Management – Quản lý chất lượng
XNK	Xuất nhập khẩu
SX	Sản xuất
BCTC	Báo cáo tài chính
IQF	Individually Quick Frozen - Công nghệ làm lạnh đông nhanh
HLSO	Headless Shell On - Còn vỏ, bỏ đầu
PD	Peeled & Deveined - Bóc vỏ, rút tim



PUD Peeled Un-Deveined - Bóc vỏ, không rút tim

PTO Peeled Tail On - Bóc vỏ, để đuôi

HOSO Head On Shell On - Nguyên con

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau trước đây là Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau - tiền thân của Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau, được thành lập ngày 13/09/1977 là một Xí nghiệp chế thủy sản đầu tiên của tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) và đứng thứ 25 của ngành thủy sản Việt Nam với công suất ban đầu là 600 tấn/năm.

Ngay ngày đầu thành lập, Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau chính thức lấy tên thương hiệu là “Camimex” với 03 nhà máy trực tiếp sản xuất chế biến và xuất khẩu trong và ngoài nước với công suất chế biến khoảng 15.000 tấn/năm và tổng số gần 2.100 công nhân lao động.

Theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần.

Đến ngày 12/01/2006 Công ty đã chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép kinh doanh số 6103000065 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006 với tổng vốn Điều lệ ban đầu là 65 tỷ đồng.

Tại thời điểm thành lập công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty như sau:

Vốn điều lệ: 65.000.000.000 VND

Số lượng cổ phần: 6.500.000 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
1. Vốn đầu tư của Nhà nước	3.655.400	36.554.000.000	56,24%
2. Cổ đông khác	2.844.600	28.446.000.000	43,76%
Tổng cộng	6.500.000	65.000.000.000	100%

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 16 tháng 7 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty như sau:



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Vốn điều lệ: 114.967.970.000 VND

Số lượng cổ phần: 11.496.797 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
1. Vốn đầu tư của Nhà nước	4.969.882	49.698.820.000	43,2%
2. Cổ đông khác	6.526.915	52.806.760.000	56,8%
Tổng cộng	11.496.797	114.967.970.000	100,0%

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, P. 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (84.780) 3831608 Fax: (84.780) 3580827

Logo Công ty:



Website: www.camimex.com.vn

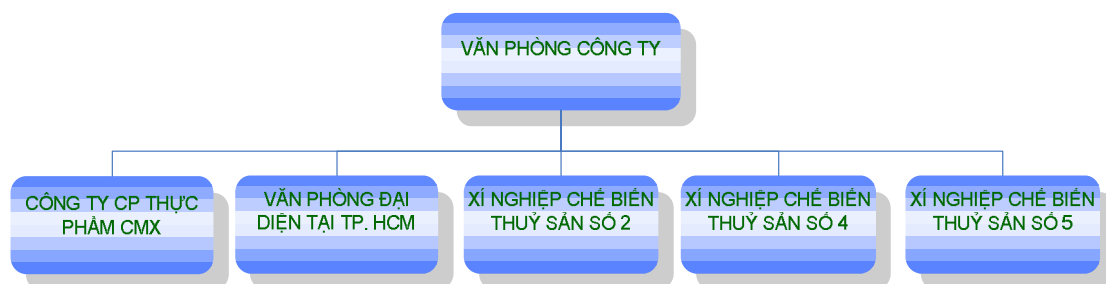
Email: camimex@hcm.com.vn

Mã số thuế: 2000103908

Hoạt động chính của Công ty:

Chế biến thủy sản các loại; xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

2. Cơ cấu tổ chức công ty





Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Cơ sở hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 03/11/2008.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: văn phòng Công ty, văn phòng đại diện và 03 xí nghiệp trực thuộc.

Văn phòng Công ty: Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban nghiệp vụ gồm: Phòng tổ chức hành chính – lao động – tiền lương, Phòng QM, Ban xây dựng cơ bản, Phòng kinh doanh, Phòng kế toán tài vụ.

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

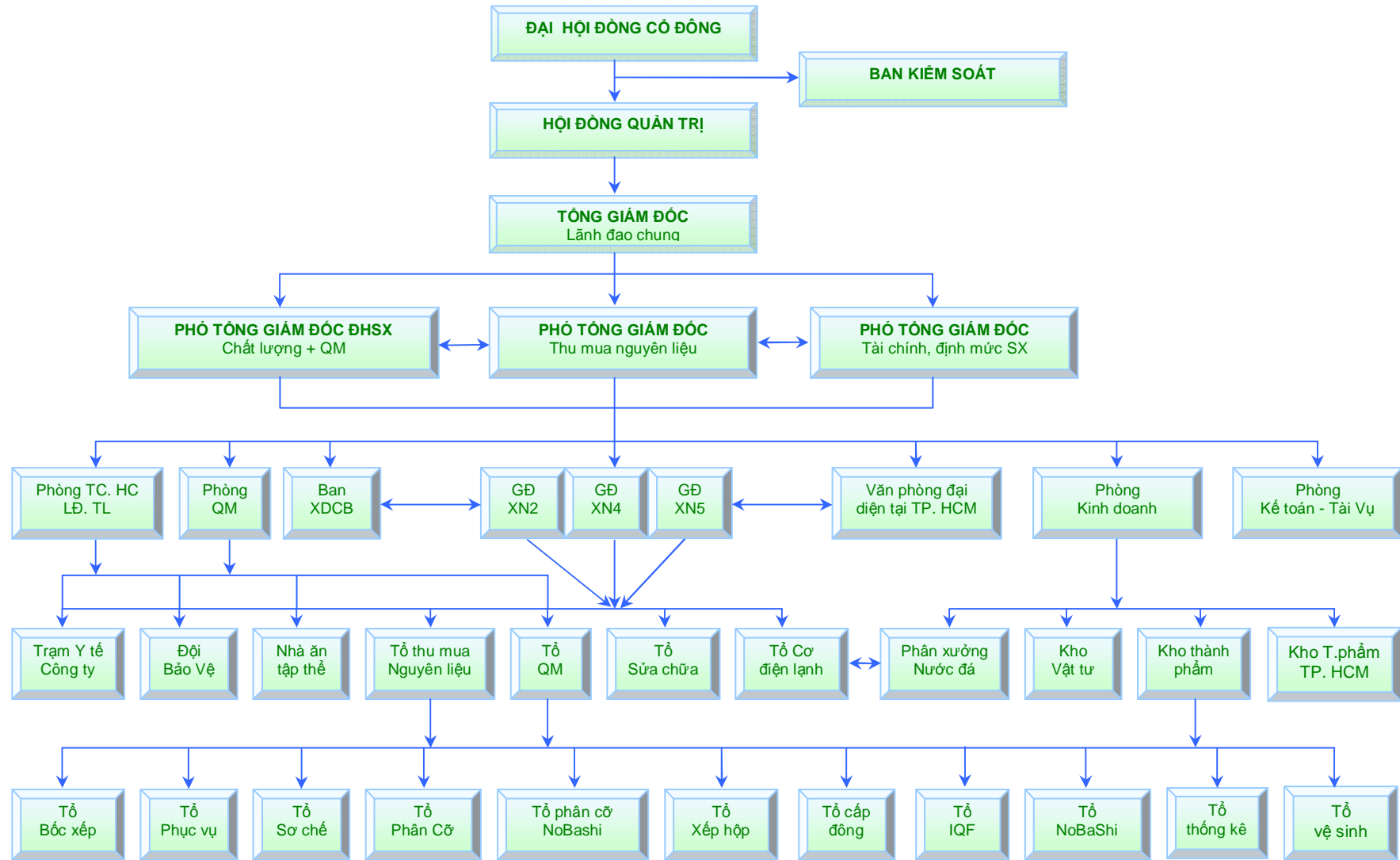
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: số 33/3 đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2, đặt tại khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4, đặt tại 224 Cao Thắng, khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 5, đặt tại 999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Công ty con: Công ty cổ phần thực phẩm CMX, địa chỉ: Hunglington Beach, 360 East Second Street, suite 703 Los Angeles, California 90012, USA

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: Trang sau





- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau:
 - Thông qua bổ sung, sửa đổi Điều lệ.
 - Thông qua định hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của các kiểm toán viên.
 - Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần.
 - Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
 - Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- **Ban Tổng Giám đốc:** gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc phụ trách do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, người điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.
- **Giám đốc xí nghiệp:** do Ban Tổng giám đốc bầu ra gồm 03 Giám đốc các xí nghiệp trực thuộc, điều hành các bộ phận chuyên môn và các nhà máy của Công ty. Giám đốc xí nghiệp chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ban Tổng Giám đốc Công ty về các mặt điều hành sản xuất tại xí nghiệp.
- **Các phòng ban nghiệp vụ:** các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Công ty hiện có các phòng ban nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:
 - **Phòng Tổ chức – hành chính:**

Phòng Tổ chức – hành chính tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về quản lý tổ chức cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân lao động toàn Công ty.

Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đúng theo qui định của Nhà nước.

Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thi đua khen thưởng công ty về việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng phó



phòng ban, đề nghị khen thưởng và kỷ luật cán bộ công nhân trong công ty có hành vi vi phạm nội qui lao động và Luật lao động

Mở sổ sách theo dõi tình hình biến động tăng giảm lao động, nghiên cứu đề xuất việc tổ chức bộ máy từ các phòng ban đến xí nghiệp.

Phân công và sử dụng lao động khoa học hợp lý, tăng năng suất lao động và có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Thực hiện chức năng hành chính quản trị như: mở sổ sách theo dõi, quản lý và lưu trữ công văn đi, đến, sao chụp và chuyển công văn đến người thực hiện theo sự phê duyệt chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Quản lý sử dụng chặt chẽ con dấu của Công ty và thực hiện chữ ký trên giấy công lệnh, giấy giới thiệu, giấy nghỉ phép và các văn bản thông thường khác trong phạm vi trách nhiệm được sự ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty.

Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, trật tự an ninh xã hội trong phạm vi xí nghiệp và các khu vực trực thuộc Công ty quản lý.

Theo dõi và đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện các quyết định chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

Quản lý và thực hiện trong việc chi phí văn phòng phẩm, phương tiện làm việc, đề xuất biện pháp thực hành tiết kiệm trong sử dụng.

Thực hiện và tham gia công tác bảo vệ môi trường, phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động.

➤ **Phòng kế toán tài vụ:**

Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức bộ máy kế toán, điều hành hạch toán, quyết toán về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn, nguồn vốn đúng qui định của pháp luật.

Lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra kiểm soát, thực hiện kế hoạch của Công ty.

Theo dõi công nợ phải thu phải trả, phản ánh kịp thời và quản lý tốt việc thu chi tiền mặt, tiền gửi thanh toán nội bộ, đối ngoại.

Đối chiếu và tích cực thu hồi các khoản công nợ phát sinh trong nước và nước ngoài, báo cáo kịp thời công nợ dầy dụa khó thu cho Ban Tổng Giám đốc.

Theo dõi trực tiếp các hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng trong và ngoài nước, kịp thời thanh lý các hợp đồng đã thực hiện.

Thực hiện quyết toán quý, sáu tháng, chín tháng, năm theo đúng quy định.

Thực hiện đúng nguyên tắc, qui định quản lý tài chính của Nhà nước. Qui định trong việc ghi chép vào sổ sách đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời toàn bộ tài sản, vật tư, tiền vốn phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.



Tổ chức hướng dẫn các xí nghiệp thực hiện các ghi chép, biểu mẫu thống kê thống nhất toàn Công ty. Đồng thời phổ biến và thực hiện kịp thời các qui định về công tác kế toán thống kê tại xí nghiệp.

Thường xuyên quan hệ với ngân hàng để đảm bảo nguồn vốn vay ổn định, lãi suất thấp, thực hiện tốt việc cân đối, điều tiết tiền vay, kịp thời phục vụ cho thu mua sản xuất kinh doanh.

Quản lý chặt chẽ hàng tồn đọng dở dang. Đồng thời kết hợp với các xí nghiệp, phòng QM để sản xuất tái chế làm ra những sản phẩm mới, mặt hàng mới, hạn chế thiệt hại trong sản xuất và đạt hiệu quả cao nhất.

Phát hành cho phòng kế toán các hợp đồng đã ký để phòng Kế toán theo dõi và lưu trữ vào chứng từ hóa đơn như: cước tàu, giấy báo XNK, thông báo giao hàng... khi được ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Trường phòng kinh doanh được quyền phân công, điều động cán bộ công nhân thuộc phạm vi mình quản lý để phục vụ cho công tác chuyên môn hợp lý.

Được quyền thừa lệnh Ban Tổng Giám đốc ký các văn bản có liên quan đến chức năng nhiệm vụ được giao.

➤ **Phòng QM:**

Tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về quản lý chất lượng sản phẩm, có trách nhiệm kiểm tra hướng dẫn các xí nghiệp về qui trình chế biến các mặt hàng theo yêu cầu của đơn đặt hàng đã ký kết hợp đồng.

Nghiên cứu kiểm tra đề xuất các xí nghiệp việc thực hiện qui trình sản xuất chế biến, điều kiện sản xuất cho phù hợp với yêu cầu để đạt được hiệu quả chất lượng.

Thường xuyên kiểm tra thực hiện chương trình quản lý chất lượng HACCP; GMP; SSOP và hệ thống chất lượng đạt yêu cầu thực tế và vận hành có hiệu quả.

Tham gia xem xét góp ý các dự án đầu tư nâng cấp xây dựng các xí nghiệp về phương diện chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Có nhiệm vụ bảo quản, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát chất lượng mà phòng quản lý.

Kết hợp chặt chẽ với Giám đốc các xí nghiệp, thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện qui trình sản xuất, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật, qui định vệ sinh công nghiệp, vệ sinh cá nhân, bảo hộ lao động, an toàn lao động trên từng công đoạn sản xuất, để kịp thời chấn chỉnh những sai sót.

Có trách nhiệm tổ chức kiểm tra vi sinh, kháng sinh hàng ngày từng khâu nguyên liệu được giao đến khâu bán thành phẩm trên từng công đoạn, thành phẩm nhập kho theo đơn đặt hàng, vệ sinh công nghiệp như: nước, nước đá tại các xí nghiệp theo kế hoạch kiểm tra vi sinh định kỳ của phòng.



Kịp thời phát hiện và báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc những lô hàng có sự cố về chất lượng, định mức chế biến, cố tình vi phạm các qui định, qui trình sản xuất làm ảnh hưởng đến sản phẩm để kịp thời chấn chỉnh xử lý.

Kết hợp với các phòng chức năng tổ chức kiểm tra cảm quan vi sinh những lô hàng không có nhu cầu, để phát hiện kịp thời những sai sót, báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc biết để có biện pháp xử lý.

Thường xuyên theo dõi kết quả kiểm tra vi sinh, thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu thông số theo biểu mẫu, báo cáo phân tích nguyên nhân những lô hàng bị nhiễm (nếu có) và báo cáo Ban Tổng Giám đốc xử lý chấn chỉnh kịp thời.

Quan hệ tốt với khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi khi khách hàng đến kiểm tra hàng, tham quan hoặc hướng dẫn chương trình sản xuất.

Trưởng phòng có trách nhiệm điều hành hoạt động của phòng theo chức năng nhiệm vụ được giao và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ công nhân viên mình quản lý và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về hoạt động của phòng.

➤ ***Văn phòng đại diện (Trưởng văn phòng đại diện chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc):***

Tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc công ty tình hình mua bán thị trường trong và ngoài nước.

Luôn luôn tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm, đồng thời báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc.

Quản lý điều hành toàn bộ hoạt động của từng cá nhân các bộ phận nghiệp vụ tại kho TP. HCM.

Điều hành, điều phối các phương tiện vận chuyển trong giao nhận hàng hóa và các vật tư phục vụ cho sản xuất theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Triển khai nhập xuất hàng đến thủ kho, bảo đảm đúng lô, chủng loại theo lệnh xuất nhập hàng của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Phối hợp với các phòng chức năng công ty kiểm tra mẫu mã bao bì, chất lượng hàng hóa một cách chính xác đối với từng khách hàng.

Theo dõi và đề xuất việc xây dựng các định mức kỹ thuật của bộ phận kho 500 tấn.

Thực hiện các công việc giao nhận hàng hóa, thu tiền hàng về cho công ty theo yêu cầu của phòng kế toán tài vụ.

Chỉ đạo theo dõi lưu trữ, sắp xếp hàng hóa, nhiệt độ bảo quản chất lượng kho theo đúng qui định.

Chỉ đạo vận hành sửa chữa bảo dưỡng các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho các hoạt động của kho.

Chỉ đạo công tác an toàn lao động, kết hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương bảo đảm công tác an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong khu vực kho bãi mình quản lý.



Trưởng văn phòng đại diện chịu trách nhiệm phân công cán bộ công nhân viên thuộc quyền quản lý, phân công phải đúng chuyên môn nghiệp vụ và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc công ty về sự phân công của mình.

➤ **Phòng kinh doanh:**

Tham mưu giúp cho Ban Tổng Giám đốc công ty các mặt công tác về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, quan hệ với khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước để mang lại hiệu quả cao nhất.

Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện kế hoạch sản xuất, số lượng hàng hóa sản xuất, xuất khẩu theo hợp đồng đã ký.

Phối hợp các xí nghiệp, phòng ban chức năng trong công ty lập kế hoạch dự trữ mua vật tư, bao bì phục vụ sản xuất phải đảm bảo chất lượng an toàn.

Quản lý và theo dõi lượng hàng bán trong kho thành phẩm để điều động và xuất hàng cho hợp lý.

Giúp cho Ban Tổng Giám đốc công ty kiểm tra tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện kịp thời các vấn đề tranh chấp mua bán và đề xuất hướng giải quyết.

Xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng tháng, quý, năm, nhằm nâng cao sản lượng sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

Soạn thảo các văn bản hợp đồng kinh tế và theo dõi thực hiện giao nhận hàng hóa đúng hợp đồng đã ký.

Triển khai kịp thời, chính xác các yêu cầu sản xuất, số lượng mẫu mã hàng hóa, các hợp đồng kinh tế, thời gian giao nhận hàng để cho phòng QM và xí nghiệp thực hiện đúng qui trình, tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của từng hợp đồng với khách hàng, hạn chế dư lượng tồn đọng nhập kho.

Quản lý chặt chẽ hàng tồn đọng dở dang. Đồng thời kết hợp với các xí nghiệp, phòng QM để sản xuất tái chế làm ra những sản phẩm mới, mặt hàng mới, hạn chế thiệt hại trong sản xuất và đạt hiệu quả cao nhất.

Phát hành cho phòng kế toán các hợp đồng đã ký để phòng kế toán theo dõi và lưu trữ vào chứng từ hóa đơn như: cước tàu, giấy báo XNK, thông báo giao hàng khi được ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Trưởng phòng kinh doanh được quyền phân công, điều động cán bộ công nhân thuộc phạm vi mình quản lý để phục vụ cho công tác chuyên môn hợp lý.

Được quyền thừa lệnh Ban Tổng Giám đốc ký các văn bản có liên quan đến chức năng nhiệm vụ được giao.

- 4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/08/2010:**

📄 **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**



TT	Họ tên tổ chức	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ %
01	Tổng Công ty kinh doanh vốn nhà nước	Số 6 Phan Huy Chú, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	151/QĐ-TTg	4.969.882	43,23%
02	Ông Nguyễn An Ninh	125 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Cà Mau	024986574	1.252.127	10,89%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Khu tập thể Công ty Camimex, đường Nguyễn Tất Thành, khóm 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	381005329	-	-
Ông Nguyễn Văn Phong	Khu tập thể Công ty Camimex, đường Lê Hồng Phong, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	380586832	110.053	0,96%
Ông Hồ Văn Dòn	Ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	380016867	-	-
Ông Nguyễn An Ninh	Số 125, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	024986574	1.252.127	10,89%
Sacombank	Số 278, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	059002	464.434	4,04%
Tổng cộng			1.826.614	15,89%

Căn cứ vào quy định tại Điều 84 Khoản 5 Luật Doanh nghiệp 2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông...”. Như vậy, thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập được xác định đến hết ngày 12/01/2009.

Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số cổ phần	% vốn	Cơ cấu cổ đông		Số lượng cổ đông
				Tổ chức	Cá nhân	
I	Phân theo tỷ lệ nắm giữ và tính chất sở hữu					



01	Cổ đông vốn Nhà nước	4.969.882	43,23%	43,23%	-	1
02	Cổ đông trên 5%	1.252.127	10,89%	-	10,89%	1
03	Cổ đông 1% - 5%	2.596.899	22,59%	14,76%	7,83%	8
04	Cổ đông dưới 1%	2.677.889	23,29%	3,49%	19,80%	189
Tổng cộng		11.496.797	100%	61,48%	38,52%	199
II	Phân theo cổ đông trong nước, nước ngoài					
01	Cổ đông trong nước	11.484.721	99,89%	61,48%	38,41%	198
02	Cổ đông nước ngoài	12.076	0,11%	-	0,11%	1
Tổng cộng		11.496.797	100%	61,48%	38,52%	199

- 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:**

Công ty con: Công ty cổ phần thực phẩm CMX

Địa chỉ: Hunglington Beach, 360 East Second Street, suite 703 Los Angeles, California 90012, USA

Hiện Công ty con mới chỉ xin xong giấy phép thành lập, Công ty chưa hoạt động và phát sinh chi phí.

- 6. Hoạt động kinh doanh**

- 6.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**

Sản phẩm của Camimex:

Sản phẩm chủ lực của Công ty gồm các loại tôm sinh thái, tôm sú, tôm chì và sản phẩm giá trị gia tăng với quy cách Tươi/Hấp HOSO (nguyên con), HLSO (bỏ đầu), PD (lột vỏ, rút tim), PUD (lột vỏ, không rút tim), PTO (lột vỏ, chừa đuôi), Nobashi (kéo



dần), Ebi-fry (tôm bánh mì), Tempura, Đông block, IQF, đông giá, khay, đóng gói hút chân không... Đóng gói: 1kg, 1.8kgs, 2kgs, 1lb, 2lbs, 2.5lbs...

Sản phẩm tôm sinh thái:

Tôm sinh thái là tôm nuôi tự nhiên không cho ăn thức ăn công nghiệp và không dùng thuốc kháng sinh trên những nông trại rừng Đước tại Lâm Ngư Trường 184 ở bán đảo Cà Mau. Với tổng diện tích 15.000 ha bao gồm 70% rừng và 30% các nông trại nuôi tôm. Hàng năm sản lượng thu hoạch đạt khoảng 1.500 tấn. Tôm sinh thái sống và tăng trưởng tự nhiên vì thế không bị nhiễm kháng sinh.

Tôm được chế biến dưới dạng tươi hay hấp PD, PTO, HLSO..., bằng những dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh.

CAMIMEX hiện là một trong các nhà chế biến tôm tại Việt Nam được tổ chức Naturland chứng nhận sản phẩm tôm sinh thái.

Sản phẩm giá trị gia tăng:



Sản phẩm tôm sú:



Sản phẩm tôm thẻ, tôm chì, tôm sắt:



**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng 2010
01	Sản lượng thu mua	Tấn	11.354	11.761	4.409
02	Sản lượng sản xuất chế biến	Tấn	7.339	7.668	2.841
03	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	7.565	7.429	3.279
04	Kim ngạch xuất khẩu	Ngàn USD	76.861	69.833	34.007
05	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.280.447	1.300.625	629.801
06	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.382	35.092	37.762
07	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	3.542	5.723	3.936
08	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	31.840	29.369	33.826

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Cơ cấu doanh thu, thị trường xuất khẩu qua các năm:

TT	Thị trường	Giá trị năm 2008 (USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị năm 2009 (USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị 6T 2010 (USD)	Tỷ lệ (%)
01	Mỹ	38.584.249	50,2	34.847.127	49,9	17.887.885	52,6
02	Nhật	13.143.240	17,1	13.680.220	19,6	4.318.938	12,7
03	EU	11.759.741	15,3	14.823.641	21,2	5.509.196	16,2
04	Thị trường khác	5.303.415	6,9	4.709.807	6,7	5.679.233	16,7
05	Nội địa	1.998.387	2,6	1.772.874	2,6	612.133	1,8
	Tổng cộng	76.861.055	100	69.833.668	100	34.007.385	100

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Cơ cấu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận qua các năm:

Tên sản phẩm	2008			2009			6 tháng/2010		
	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng)	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng)	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng)
Tôm sinh thái	150	51.000	1.411	445	91.000	2	51	14.800	438
Tôm sú xếp khai tròn	15	3.000	73	-	-	-	0	0	0
Tôm sú Nobashi	-	-	-	-	-	-	53	12.000	372
Tôm sú tằm bột	35	4.000	109	59	7.000	-	76	9.000	256
Tôm sú hấp Nobashi	88	16.000	449	248	31.000	1	0	0	0
Tôm sú Tempura	-	-	-	11	2.000	-	4	800	13



Tôm sú vỏ cắt lưng	166	44.000	1.205	402	39.000	1	118	22.000	448
Tôm sú vỏ bỏ đầu	1.551	280.000	7.730	2.304	130.000	3.509	254	34.000	650
Tôm sú bóc vỏ rút tim	947	158.000	4.385	1.152	812.625	28.069	235	29.000	586
Tôm sú bóc vỏ rút tim tươi	3.790	632.000	17.464	2.304	130.000	3.509	2.218	481.485	12.519
Tôm thẻ bóc vỏ chừa đuôi rút tim	406	54.000	1.503	265	38.000	1	95	16.000	247
Tôm chì bóc vỏ rút tim hấp	282	28.000	765	66	6.000	-	37	3.000	49
Tôm sắt bóc vỏ rút tim hấp	135	10.447	288	173	14.000	-	138	7.716	184
Kết chuyển dự phòng tồn kho									22.000
Tổng cộng	7.565	1.280.447	35.380	7.429	1.300.625	35.092	3.279	629.801	37.762

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Phân tích cơ cấu doanh thu lợi nhuận của Công ty:

Trong cơ cấu sản phẩm, Tôm sú bóc vỏ rút tim và Tôm sú bóc vỏ rút tim tươi là các sản phẩm có tỷ trọng doanh thu chủ lực của Camimex, chiếm từ 60-90% tổng doanh thu và lợi nhuận hàng năm của Công ty, các loại sản phẩm khác có tỷ trọng không lớn trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận. Trong 6 tháng đầu năm 2010, Công ty có khoản lợi nhuận 22 tỷ đồng được kết chuyển từ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Đây là khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho còn tồn lại từ 2009, do giá tôm có xu hướng tăng lên nên khoản dự phòng này đã được công ty kết chuyển và ghi nhận lãi trong năm 2010.

6.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu:

Tôm sú là nguyên liệu chính trong hoạt động chế biến thủy sản của Công ty. Công ty có nhiều thuận lợi nhờ nguồn nguyên liệu phong phú tại chỗ và các vùng lân cận. Cà Mau nằm trong vùng sản xuất nguyên liệu tôm xuất khẩu chính của Đồng bằng sông Cửu Long.



Đầu vào nguyên liệu của Công ty chủ yếu được thu mua trong nước, từ các vùng nuôi tôm chính như Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, Trà Vinh, Kiên Giang. Đây là các vựa tôm lớn của cả nước và sẽ cung cấp bổ sung cho nhau khi một vùng gặp khó khăn về con giống, dịch bệnh hoặc vào trái vụ. Điều này làm giảm tính chất mùa vụ, tôm được cung cấp quanh năm đủ đáp ứng cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hầu hết sản phẩm của Công ty là xuất khẩu nên công tác đảm bảo các điều kiện khắt khe về vệ sinh thực phẩm được Công ty đặt lên hàng đầu. Toàn bộ sản phẩm đều được Công ty tuân thủ một cách nghiêm ngặt về tiêu chuẩn quản lý chất lượng của các hệ thống quản lý chất lượng như GMP; SSOP; HACCP; BRC; ISO 9001:2000; ISO 14001:2004.

Ngoài nguyên liệu chính, các loại nguyên vật liệu khác cần thiết cho quá trình sản xuất là bao bì carton, nylon, đồ nhựa, hoá chất v.v... Công ty đặt hàng khi có nhu cầu đối với vật tư phục vụ sản xuất cho từng hợp đồng hoặc theo từng loại sản phẩm như thùng carton, bao bì nylon, nhãn v.v...; các nguyên vật liệu thông thường khác hiện nay rất đa dạng, ổn định, chất lượng cao trên thị trường, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất nên Công ty luôn dự trữ theo mức tồn kho tối thiểu.

Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu cho Công ty trong năm 2009:

TT	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ LƯỢNG (kg)	GIÁ TRỊ (VND)
1	CSKD Lữ Quốc Trung	87.424.320	8.016.105.320
2	DNTN Năm Miêu	62.551.800	8.081.557.905
3	CSKD Quách Văn Mãi	88.525.650	8.362.918.085
4	Cty TNHH Minh Bạch	106.895.600	11.578.313.760
5	Cty TNHH Liên Hứa	131.498.050	12.421.990.055
6	DNTN Hải Tùng	172.072.870	12.839.624.101
7	DNTN Thảo Nhi	296.929.220	13.757.772.917
8	DNTN Kỳ	143.192.580	13.933.817.649
9	Trạm Sinh Thái	165.353.490	16.750.724.180
10	DNTN Sơn Việt	150.887.950	18.830.338.479
Tổng cộng		1.405.331.530	124.573.162.451

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

**Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:**

Cà Mau là một trong những vùng cung cấp tôm sú lớn nhất Việt Nam nhờ diện tích mặt nước và diện tích rừng ngập mặn lớn, có thủy triều nên nước ít bị ô nhiễm. Mặt khác, tỉnh chủ yếu áp dụng phương thức nuôi quảng canh nên mặc dù sản lượng thấp nhưng tôm sạch và lớn (thường có kích cỡ 4/6 tới 13/15) trong lúc tôm nuôi công nghiệp chỉ đạt cỡ 16/20. Hiện nay, toàn tỉnh Cà Mau có 270.000 ha diện tích nuôi tôm và thủy sản khác. Theo quy hoạch của tỉnh Cà Mau, dự kiến đến năm 2015 diện tích nuôi tôm và thủy sản có thể đạt tới 300.000 ha. Vì vậy, Công ty có nguồn nguyên liệu khá dồi dào và ổn định, đảm bảo nhu cầu tăng trưởng của Công ty trong những năm tới. Ngoài Cà Mau ra, Công ty còn thu mua tôm công nghiệp từ Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bến Tre, Trà Vinh v.v...

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau đã có lịch sử hoạt động trong ngành thủy sản được hơn 30 năm, uy tín và thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường thủy sản trong nước và quốc tế, Công ty đã sàng lọc và chọn cho mình nhiều đại lý có uy tín để cung cấp đầy đủ và kịp thời nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy để sản xuất. Việc mua tôm nguyên liệu với khối lượng lớn, thanh toán đầy đủ, đúng hạn đã tạo được mối quan hệ và uy tín cùng có lợi ích giữa Công ty với các đối tác cung ứng nguyên liệu, vì thế Công ty luôn nhận được sự đảm bảo từ phía các nhà cung ứng về nguyên liệu.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, tôm nguyên liệu đang có dấu hiệu thiếu hụt ngày càng trầm trọng, công suất nhà máy của Công ty hiện chỉ đạt 60% công suất do sự thiếu hụt về nguồn nguyên liệu, mà nguyên nhân chính là sự phát triển ồ ạt các nhà máy chế biến thủy sản trong thời gian ngắn trong khi diện tích nuôi trồng không dễ phát triển mạnh. Hiện nay việc nuôi trồng còn mang tính chất tự phát, manh mún, nên nguồn nguyên liệu có tính chất thời vụ. Khi vào mùa cao điểm, nguồn cung cấp nguyên liệu thủy sản thường dư thừa, giá giảm, khi trái mùa giá cả tăng lên nhiều nhưng nguồn cung cấp nguyên liệu không đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Do chi phí nguyên vật liệu chính là tôm nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao trong chi phí giá thành sản xuất (trên 90% chi phí sản xuất) nên bất cứ sự biến động của giá cả nguyên liệu đều ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Giá tôm nguyên liệu biến động chủ yếu do việc áp dụng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu, điều này làm người nuôi tôm cần phải thay đổi nguồn thức ăn cho tôm, đồng thời kiểm soát chất lượng tôm thường xuyên để



đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Do đó chi phí đầu tư nuôi tôm tăng lên, dẫn đến giá nguyên liệu tăng. Mặt khác, với việc nở rộ các công chế biến thủy sản trong thời gian gần đây đã làm cho nhu cầu nguyên liệu tăng lên, dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong thu mua nguyên liệu giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

Khi giá nguyên liệu đầu vào tăng cao sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trong khi đó giá bán khó tăng theo do doanh nghiệp trong nước còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp chế biến thủy sản của Thái Lan, Trung Quốc. Vì vậy, để giảm thiểu ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới hoạt động kinh doanh, các công ty chế biến thủy sản hiện nay đang có xu hướng chủ động nguồn nguyên liệu bằng cách tổ chức nuôi trồng. Ngoài ra, các công ty cần xây dựng hệ thống kho dự trữ lớn để đảm bảo nguyên liệu trong những vụ trái mùa.

6.3 Chi phí sản xuất

Chi phí nguyên vật liệu chính của Công ty trong năm 2009:

TT	Nguyên liệu	Số lượng (Tấn)	Giá mua bình quân (đồng/kg)	Tổng giá mua nguyên liệu (đồng)	Tỷ trọng (%)
01	Tôm sú	9.010	108.808	980.359.877.358	76,60
02	Tôm thẻ	1.550	56.147	87.028.687.803	13,18
03	Tôm chì	186	37.642	7.001.597.204	1,58
04	Mực	542	29.555	16.019.336.406	4,60
05	Tôm giang, nghệ, B	473	20.554	9.722.470.856	4,04
	Tổng cộng	11.761	93.540	1.100.131.969.627	100,00

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Chi phí sản xuất:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Tỷ lệ %	Năm 2009	Tỷ lệ %	6 tháng /2010	Tỷ lệ %
01	Chi phí nguyên liệu	1.123.364	92	1.265.263	92	324.978	93
02	Chi phí công nhân trực tiếp	29.055	2	34.164	2	7.050	2
03	Chi phí sản xuất chung	72.312	6	77.433	6	17.342	5
	Tổng cộng	1.224.741	100	1.376.860	100	349.371	100

*Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau***Tỷ trọng chi phí so với doanh thu thuần qua các năm**

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng so với doanh thu thuần (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng so với doanh thu thuần (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng so với doanh thu thuần (%)
1	Giá vốn hàng bán	1.120.679,3	88,04%	1.150.112,8	89,54%	551.657,8	87,93%
2	Chi phí tài chính	42.596,2	3,35%	35.745,9	2,78%	24.377,0	3,89%
3	Chi phí bán hàng	62.389,9	4,90%	66.846,4	5,20%	31.802,2	5,07%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.681,7	0,84%	17.752,8	1,38%	8.299,3	1,32%
Tổng cộng			97,13%		98,90%		98,21%

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của Camimex, trong đó tôm nguyên liệu là nhân tố chính trong cơ cấu giá vốn hàng bán. Nguồn nguyên liệu tôm trong thời gian qua đang ngày càng thiếu hụt so với nhu cầu của các doanh nghiệp chế biến tôm, vì vậy việc cạnh tranh về giá nguyên liệu giữa các doanh nghiệp cũng ngày một khốc liệt hơn. Giá tôm nguyên liệu cũng biến động theo thời vụ và nhu cầu của các doanh nghiệp chế biến thủy sản.

Là doanh nghiệp có doanh số xuất khẩu lớn, nên một biến động nhỏ trong giá vốn của Công ty luôn có ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, công ty có chính sách quản lý chi phí chặt chẽ, việc kiểm soát giá thành luôn được đặt lên hàng đầu. Nguyên liệu luôn được Công ty dự trữ đủ chế biến trong thời gian dài, vì vậy đối với mùa vụ khan hiếm nguyên liệu Công ty không bị ép giá mà vẫn chủ động được nguồn nguyên liệu. Ngoài ra Công ty đang có chủ trương xây dựng vùng nuôi để đảm bảo về chất lượng và chủ động một phần về nguyên liệu.

Chi phí bán hàng và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí sản xuất của Công ty. Chi phí quản lý chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng chi phí sản xuất của Công ty.

6.4 Trình độ công nghệ

Công ty hiện đang là một trong những doanh nghiệp có công nghệ chế biến thủy sản hàng đầu ở Việt Nam với tổng công suất chế biến lên tới 80 tấn thành phẩm/ngày. Sau 10 năm hoạt động từ chỗ chỉ chế biến các mặt hàng đông Block truyền thống,



đến nay Công ty đã chế biến được trên 90% hàng cao cấp giá trị cao, đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe và nghiêm ngặt về quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm của những khách hàng lớn, những mặt hàng này đã được Công ty tăng sản lượng hàng năm và thu lợi nhiều hơn so với mặt hàng truyền thống trước đây hàng chục tỷ đồng, đây là điểm mấu chốt để công ty thành công trong lĩnh vực kinh doanh chế biến thủy sản của mình.

Hệ thống máy móc thiết bị của công ty đa số thuộc hệ thống mới, trong tình trạng sử dụng tốt như:

TT	Máy móc, thiết bị	Số lượng	Tổng công suất	
1	Tủ đông tiếp xúc (Mycom)	8	33	tấn/ngày
2	Máy cấp đông IQF (Mycom)	5	46	tấn/ngày
3	Máy cấp đông AIRBlast	3	4.5	tấn/ngày
4	Máy rửa nguyên liệu	3	50	tấn/ngày
5	Máy sản xuất đá vảy	7	1.458	tấn/ngày
6	Máy hấp	2	18	tấn/ngày
7	Máy phân cỡ	6	32.4	tấn/ngày
8	Máy rà kim loại	10	N/A	
9	Máy đóng gói chân không	2	N/A	
10	Máy phát điện dự phòng	9	5.500	KVA

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

- Hệ thống kho lạnh toàn Công ty:

TT	Máy móc, thiết bị	Số lượng	Tổng công suất	
1	Mycom	1	900	Tấn/cái
2	Sabroe	1	200	Tấn/cái
3	Sabroe	1	500	Tấn/cái
4	Mycom	1	280	Tấn/cái
5	Bitzer	4	50	Tấn/cái
6	Bitzer	2	30	Tấn/cái
7	Bitzer	1	20	Tấn/cái



8	Hitachi	4	50	Tấn/cái
9	Sanyo	1	50	Tấn/cái
10	Zanotti	2	25	Tấn/cái

- **Hệ thống băng chuyền chế biến sản phẩm GTGT:**

TT	Máy móc, thiết bị	Số lượng	Tổng công suất	
1	Tủ IQF (Mycom)	1	700	Tấn/giờ
2	Tủ IQF (Searfico)	2	1.000	Tấn/giờ
3	Tủ IQF (Searfico)	1	350	Tấn/giờ
4	Tủ đông gió (Searfico)	2	700	Tấn/giờ
5	Tủ đông gió (Searfico)	1	250	Tấn/giờ

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Trong giai đoạn cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay, việc nghiên cứu ra sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao và chất lượng tốt về an toàn thực phẩm luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty để đẩy mạnh sự phát triển và chinh phục các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, EU. Camimex đã thành lập một ban chuyên môn nghiên cứu các sản phẩm mới, với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ kinh nghiệm. Đó là tích cực đa dạng hóa các sản phẩm, khảo sát nhu cầu thị trường để từ đó lựa chọn cho Công ty các thị trường mục tiêu nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hiện tại Công ty đang nghiên cứu và đưa ra những sản phẩm mới từ tôm như: Tôm bao bột, Tempura. Trong thời gian tới, Công ty sẽ thu mua tôm thẻ chân trắng để chế biến, vì hiện nay nhiều khách hàng, nhiều thị trường có nhu cầu lớn đối với loại sản phẩm này. Ngoài ra, Công ty đang nghiên cứu việc đầu tư mở rộng xây dựng nhà máy chế biến cá tra, các ba sa tại tỉnh Hậu Giang. Mặt hàng này đang được các khách hàng hiện tại của Công ty có nhu cầu đặt hàng nhiều, vì vậy Công ty đang có mục tiêu tận dụng từ nguồn khách hàng tiềm năng này. Công ty có kế hoạch thành lập Công ty nuôi tôm để từng bước tự cung cấp một phần tôm nguyên liệu cho chế biến.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:



Các thị trường tiêu thụ thủy sản lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU... luôn đặt vấn đề an toàn thực phẩm lên hàng đầu, các nước này luôn dựa vào các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của quốc tế để xác định chất lượng sản phẩm nhập khẩu. Vì vậy, an toàn vệ sinh thực phẩm là vấn đề cốt lõi trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được điều này, Công ty đã không ngừng nâng cao kiểm soát chất lượng sản phẩm của mình bằng việc tuân thủ thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng đã đạt được như:



TT	Chứng chỉ	Số	Ngày cấp	Cơ quan cấp
01	ISO: 9001: 2000	103307	21/12/2001	BVQI
02	HACCP	137/2007 – CN-ATVS	17/10/2007	NAFIQAVED
03	BRC	GB05/66891	06/10/2007	SGS
04	HACCP CODEX	TW 06/0012HA	03/08/2006	SGS
05	NATURLAND	1000245	30/10/2006	NATURLAND

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

- ✓ HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point): Hệ thống phân tích mối hiểm nguy và kiểm soát các điểm kiểm soát tới hạn, là công cụ xác định các mối nguy hại và biện pháp kiểm soát dựa trên cơ sở khoa học nhằm quản lý an toàn thực phẩm. Hệ thống này mang tính phòng ngừa thay thế cho việc kiểm tra thành phẩm truyền thống và đã được nhiều tổ chức quốc tế liên quan đến thực phẩm công nhận là hệ thống quản lý vệ sinh thực phẩm có hiệu quả nhất.
- ✓ BRC (British Retail Consortium): Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu (tiêu chuẩn của Hiệp hội bán lẻ Anh Quốc).



- ✓ HACCP CODEX: Hệ thống kiểm soát các mối nguy về An toàn vệ sinh thực phẩm phù hợp
- ✓ NATURLAND: chứng chỉ chất lượng sản phẩm của Đức
- ✓ SSOP (Sanitation Standard Operating Procedures): Quy trình làm vệ sinh và thủ tục kiểm soát vệ sinh.
- ✓ GMP (Good Manufacturing Practice): là một phần của hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo kiểm soát các điều kiện về nhà xưởng (cơ sở hạ tầng), điều kiện con người và kiểm soát các quá trình sản xuất để đạt những tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh cung cấp cho người tiêu dùng loại bỏ những nguy cơ nhiễm chéo và lẫn lộn.
- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000.

Các hệ thống quản lý chất lượng trên được hầu hết các nước trên thế giới chấp nhận và xem nó như là phương pháp xác định chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất.

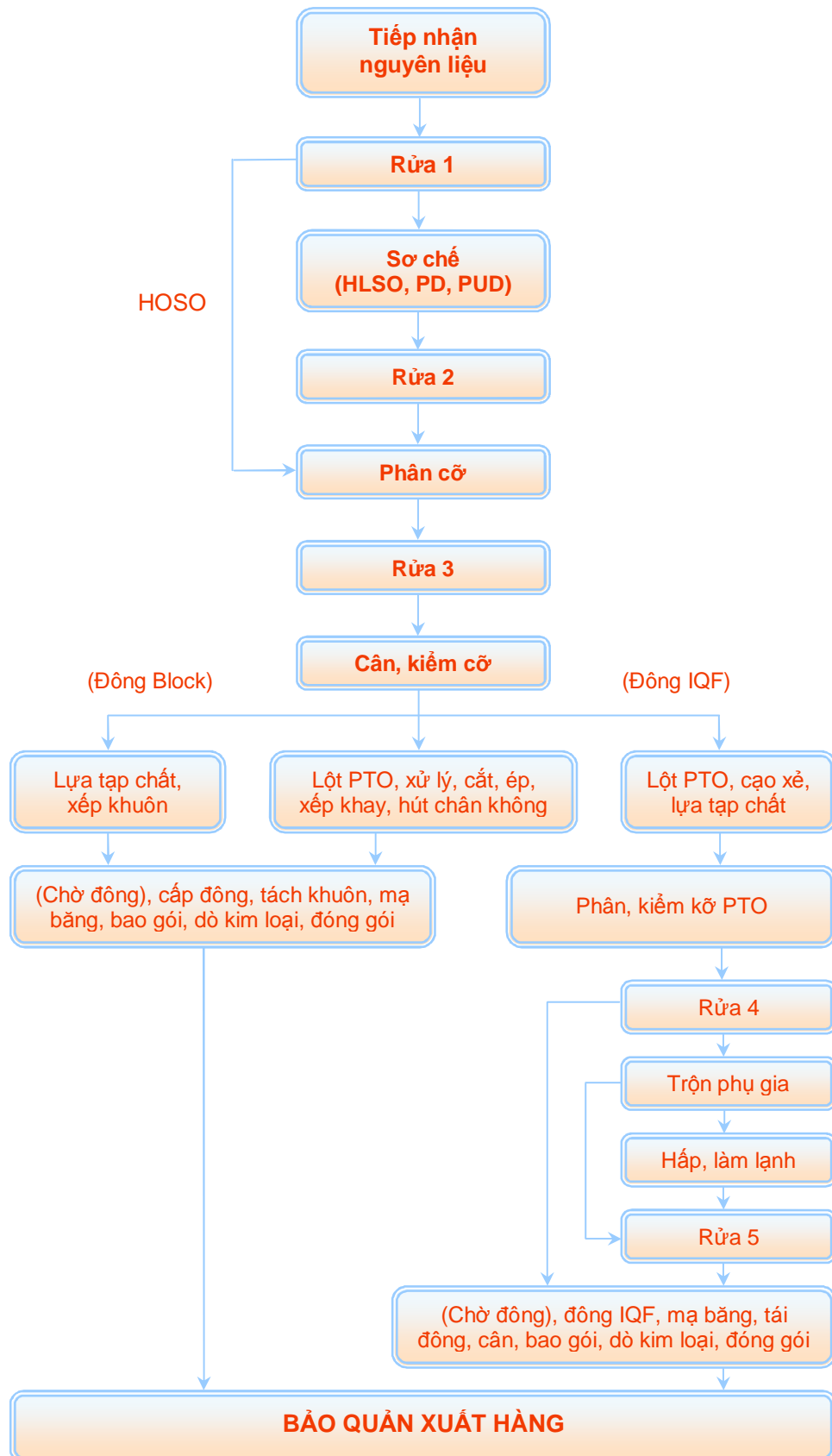
Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:

Bên cạnh việc quan tâm thực hiện các chương trình quản lý chất lượng nói trên, Công ty cũng rất quan tâm đến việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu và bao bì sản phẩm. Công ty đã thiết lập Phòng Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm về chất lượng của sản phẩm và có phân công cụ thể cho từng thành viên trong phòng. Mỗi thành viên được phân công theo dõi sát sao các quy trình trước và sau khi sản xuất để có những phản ánh kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc công ty cũng như Ban Giám đốc của các Xí nghiệp, từ đó điều chỉnh cho phù hợp với các tiêu chuẩn mà công ty đã được cấp giấy chứng nhận và thị trường yêu cầu. Bộ phận này có chức năng tổ chức giám sát chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất, giám sát về mẫu mã, quy cách, thực hiện kiểm tra vi sinh, thực hiện và giám sát việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng. Đây cũng là yếu tố hết sức cơ bản để Công ty giữ vững được uy tín sản phẩm, thương hiệu của mình.

Quy trình sản xuất chế biến: (trang sau)



QUY TRÌNH CHẾ BIẾN CỦA CAMIMEX





6.7 Hoạt động Marketing

Chiến lược sản phẩm: Thị trường tiêu thụ của Công ty là những thị trường có nền kinh phát triển, đời sống của người tiêu dùng cao. Do đó, sản phẩm tiêu thụ không chỉ đảm bảo về dinh dưỡng mà còn tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã lấy chất lượng sản phẩm làm cam kết xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của mình. Công ty luôn thay đổi mẫu mã sản phẩm, bao bì cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Quảng bá thương hiệu:

Thương hiệu là một chỉ tiêu sống còn mà Công ty đã đề ra trong tiến trình hội nhập và cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Do đó tên tuổi của Camimex được xây dựng và gìn giữ từ ngày đầu thành lập đến nay đã hơn 30 năm. Phòng kinh doanh phối hợp cùng phòng quản lý chất lượng sản phẩm, để tạo nên một giá trị thương hiệu bao gồm việc xây dựng kế hoạch chuẩn hóa và đồng nhất cho toàn bộ cái nhìn về marketing cũng như về quản lý thương hiệu để cho mỗi thành viên là một thương hiệu đích thực của công ty. Công ty luôn chủ động tham gia có chọn lọc các trưng trình hội chợ chuyên ngành trong và ngoài nước như: Vietfish, Nhật, Mỹ, Châu Âu... Ngoài ra công ty có những chính sách khác để tạo dựng tên tuổi của mình như:

- + Tạo mối quan hệ gắn bó quyền lợi với các đại lý;
- + Đẩy mạnh việc giao dịch qua mạng đối với khách hàng nước ngoài, để đưa ra giá cả cạnh tranh cũng như đáp ứng nhu cầu về chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm.
- + Khai thác những khách hàng mới qua các công ty trung gian theo phương thức chi trả hoa hồng môi giới cho từng hợp đồng.

Chiến lược giá:

Giá cả sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty quản lý sát sao chi phí nguyên vật liệu đầu vào cũng như bộ máy sản xuất, quản lý, do đó giá thành của thành phẩm ở mức phù hợp và có tính cạnh tranh trên thị trường, chính vì lý do này mà giá cả sản phẩm của Công ty luôn được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận.

Hệ thống kênh phân phối:

Hệ thống phân phối sản phẩm của Camimex nhằm trực tiếp vào nhóm khách hàng bán buôn và một số đến các siêu thị đối với cả khách hàng trong và ngoài nước.



Ngoài ra Công ty còn thực hiện phân phối sản phẩm qua các trung gian môi giới để bán hàng.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu Công ty:



Nhãn hiệu và Logo “Camimex” của Công ty đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa độc quyền tại Việt Nam theo số 8278 do Cục sáng chế - Bộ khoa học Công nghệ và Môi trường cấp ngày 19/5/1993.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng xuất khẩu lớn hiện Công ty đang và sẽ thực hiện:

TT	Tên hợp đồng	Giá trị (USD)	Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Từ ngày	Đến ngày	
01	MAZZETTA	4.179.600	01.07.2010	31.12.2010	Tôm
02	MAZZETTA	1.335.600	01.07.2010	31.12.2010	Tôm
03	WORLD WIDE	1.008.000	01.10.2010	31.12.2010	Tôm
04	WOOIL FISHERIES	141.984	01.11.2010	31.11.2010	Tôm
05	CONTESSA	168.000	01.07.2010	31.04.2011	Tôm
06	CONTESSA	113.866	01.10.2010	31.03.2011	Tôm
07	ASROPA FOOD GMBH	142.400	01.10.2010	31.10.2010	Tôm
08	MAXIMS CATERERS LIMITED	553.436	01.08.2010	31.12.2010	Tôm
09	CONTESSA	22.250	01.10.2010	31.12.2010	Tôm
10	CONTESSA	38.000	01.07.2010	31.04.2011	Tôm
Tổng cộng		7.703.136			

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất:

**Kết quả hoạt động kinh doanh***Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tăng/giảm (%)	6 tháng/2010
Tổng giá trị tài sản	464.640,51	761.513,23	63,9%	810.803,29
Doanh thu thuần	1.272.888,20	1.284.521,70	0,9%	627.390,41
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41.422,48	31.240,77	-24,6%	37.879,35
Lợi nhuận khác	(6.040,30)	3.851,71	-163,8%	(117,28)
Lợi nhuận trước thuế	35.382,18	35.092,47	-0,8%	37.762,07
Lợi nhuận sau thuế	31.839,98	29.369,41	-7,8%	33.825,73
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	74,5%	74,5%	-	

Nguồn: Các báo cáo tài chính của Camimex

Chịu ảnh hưởng mạnh từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới trong năm 2008 và 2009, tình trạng suy thoái kinh tế kéo dài, Công ty gặp nhiều khó khăn từ đầu vào đến đầu ra, tuy nhiên hoạt động kinh doanh trong năm 2008 và 2009 của Camimex vẫn đạt được những kết quả tương đối khả quan, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận vẫn đạt kế hoạch đã đề ra của ĐHCĐ. Trong 6 tháng đầu năm 2010, doanh thu đã đạt 48,2% kế hoạch đề ra, đây là một kết quả khá khả quan do doanh thu của Công ty thường tăng mạnh trong 2 quý cuối năm. Dự kiến kế hoạch 1.301 tỷ doanh thu trong năm 2010 là hoàn toàn có thể thực hiện được. Riêng lợi nhuận sau thuế có sự tăng lên đột biến, kế hoạch đề ra lợi nhuận sau thuế 27 tỷ đồng trong năm 2010, tuy nhiên 6 tháng đầu năm đã đạt gần 34 tỷ đồng. Sự tăng lên đột biến này là do Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ cuối năm 2009.

Một số thông tin cần lưu ý:

Theo ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2007 có thể làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính tài chính của doanh nghiệp: khoản ngoại trừ chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” cuối năm 2007 được doanh nghiệp giải trình như sau:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2007: 27.240.321.317 đồng.

Khi kiểm kê cuối năm 2007, đơn vị tự kiểm kê hàng hóa tồn kho để quyết toán năm tài chính, không có sự tham gia của công ty kiểm toán. Đồng thời khi xác định lại giá trị hàng tồn kho, HĐQT xác định theo giá thực tế có thể bán được. Do đó HĐQT có



hợp theo biên bản quyết định dự phòng hàng tồn kho trong năm 2007, cụ thể như sau:

Tổng lượng thành phẩm kiểm kê: 1.636.899.398 kg = 182.973.774.027 đồng

Trong đó:

+ Hàng tồn kho lâu năm không bán được: 41.601.586 kg = 6.564.413.326 đồng

+ Hàng bán bị trả lại: 60.334.920 kg = 8.200.602.761 đồng

+ Hàng sản xuất còn tồn kho: 1.534.962.892 kg = 168.208.757.940 đồng

Căn cứ giá cả thị trường, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất ngân hàng và những bất lợi về tiêu thụ hàng hóa, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2007 như sau:

+ Trích lập dự phòng hàng tồn kho lâu năm không bán được là 70%:

= 6.564.413.326 x 70% = 4.595.089.536 đồng

+ Trích lập dự phòng hàng bán bị trả lại 30%:

= 8.200.602.761 x 30% = 2.460.180.828 đồng

+ Trích lập dự phòng hàng sản xuất còn tồn kho 12%:

= 168.208.757.940 x 12% = 20.185.050.953 đồng.

Tổng số tiền đã trích lập dự phòng:

= 4.595.089.536 + 2.460.180.828 + 20.185.050.953 = 27.240.321.317 đồng

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2007: 27.240.321.317 đồng

Ý kiến hạn chế của đơn vị kiểm toán trong báo cáo tài chính kiểm toán 2008:

Số dư cuối năm của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 27.240.321.317 VND là số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2007 chuyển sang đã được công ty kiểm toán ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán năm 2007.

Trong năm 2009, Camimex đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 5.240.321.317 đồng, khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2009 là 22.000.000.000 đồng.

Tại Báo cáo soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 của Camimex, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 đã được công ty kiểm toán xác nhận là không có các điểm hạn chế và ngoại trừ. Nội dung báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 phù



hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

➤ Những nhân tố thuận lợi:

○ Về thu mua nguyên liệu:

- Nguồn nguyên liệu tôm được nuôi khá phổ biến tại các tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, Bến Tre, Trà Vinh... Công ty đã sàng lọc và lựa chọn nhiều đại lý có uy tín để cung cấp nguyên liệu đầu vào để kịp thời sản xuất.
- Việc lựa chọn nhà cung cấp là một tiêu chí góp phần làm ổn định về nguồn nguyên liệu và chất lượng sản phẩm.
- Việc mua tôm nguyên liệu với số lượng lớn, thanh toán đầy đủ và đúng hạn tạo được mối quan hệ và uy tín cùng có lợi giữa Công ty và các đối tác cung ứng nguyên liệu. Vì vậy Công ty luôn nhận được sự đảm bảo từ phía các nhà cung ứng nguyên liệu.

○ Về sản xuất chế biến:

- Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư khá hiện đại, hiện vẫn đang sử dụng tốt.
- Công nghệ chế biến đủ đáp ứng các yêu cầu khắt khe của các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, EU, Úc...
- Công ty luôn lấy chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm và hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu trong quá trình sản xuất và phát triển của Công ty.
- Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được quy định nghiêm ngặt. Mỗi thành viên được phân công theo dõi sát sao các quy trình sản xuất, để có những phản ánh kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.

○ Về tiêu thụ sản phẩm và xúc tiến thương mại:

- Với uy tín thương hiệu và chất lượng sản phẩm được đảm bảo, cùng với việc là một trong bốn doanh nghiệp thủy sản Việt Nam được phía Mỹ áp dụng thuế chống án phá giá trong thời gian qua ở mức thấp, Công ty đã và đang tiêu thụ sản phẩm làm ra tại nhiều nước trên thế giới. Hiện tại, Công ty đã có nhiều khách hàng chiến lược tiêu thụ lớn, ổn định và lâu dài.
- Đối với công tác xúc tiến thương mại, Công ty đã mạnh dạn đầu tư mở rộng thị trường tìm kiếm khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm tôm, cá tra và cá basa. Năm 2007 Công ty đã thuê gia công và chế biến loại sản phẩm này ở nhà máy tại tỉnh An Giang, Công ty cũng đã xuất khẩu cá tra, cá ba sa filet và cá xuyên que ướp đá bằng đường máy bay, tuy số lượng chưa nhiều nhưng cũng bắt đầu tạo được thương hiệu về xuất khẩu cá, làm tiền đề chuẩn bị cho việc xây dựng Xí nghiệp chế biến cá tra, cá



ba sa của Công ty tại tỉnh Hậu Giang với diện tích 14ha đã thực hiện xong đền bù giải tỏa.

o Về tổ chức quản lý:

- Hiện Công ty đang tổ chức quản lý theo mô hình công ty cổ phần, công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh được sắp xếp theo bộ máy tinh gọn, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý từ Ban Tổng Giám đốc Công ty đến các xí nghiệp, phòng, ban, tổ sản xuất. Việc tăng cường quản lý kiểm tra làm giảm đáng kể các khoản chi phí phát sinh ngoài dự kiến, các chi phí nguyên nhiên vật liệu, điện năng...

➤ **Những nhân tố khó khăn:**

o Về tôm nguyên liệu:

- Nguồn tôm nguyên liệu đang thiếu hụt ngày càng trầm trọng, công suất thiết bị của nhà máy chỉ đạt khoảng hơn 60% công suất thiết kế. Việc nuôi trồng tôm nguyên liệu ở các địa phương hiện còn mang tính tự phát, manh mún nên nguồn nguyên liệu thường xuyên có tính chất mùa vụ. Khi vào mùa, nguồn cung cấp nguyên liệu thường dư thừa. Ngược lại, khi trái vụ giá cả tăng lên trong khi nguồn cung thiếu hụt. Đặc biệt, việc nuôi trồng thủy sản không đúng kỹ thuật dễ dẫn đến dư lượng kháng sinh, vi sinh và nhiều tạp chất nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các công ty chế biến thủy hải sản nói chung và của Công ty nói riêng.
- Tình hình nguồn cung tôm nguyên liệu giảm từ 25-30% do người nuôi tôm bị thua lỗ nặng trong các năm kinh tế thế giới suy thoái, việc thiếu hụt này gây khó khăn chung cho ngành thủy sản. Mặt khác, sự hội nhập vào nền kinh tế thế giới đã tạo điều kiện cho việc các nhà máy chế biến thủy sản trong và ngoài tỉnh mở ra ngày càng nhiều, làm cho nguồn nguyên liệu và giá cả thu mua đầu vào luôn bị cạnh tranh gay gắt, gây nhiều khó khăn cho Công ty trong việc chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào.

o Về thị trường tiêu thụ:

- Trên 90% sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên thị trường xuất khẩu, chủ yếu là Mỹ, Nhật, EU, Úc, Hồng Kông. Đây là những thị trường khó tính và luôn có những quy định khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Những tiêu chuẩn này có thể thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, thường là bổ sung các chất cấm sử dụng hoặc quy định mức tối thiểu về dư lượng kháng sinh. Thời gian qua các thị trường này đã hạn chế nhập hàng loạt các mặt hàng thủy sản từ Việt Nam. Do đó, đây là một khó khăn rất lớn cho Công ty, nếu không tuân thủ tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm thì các nước nhập khẩu sẽ không chấp nhận sản phẩm của Công ty.
- Tôm sú Việt Nam phải cạnh tranh khốc liệt với tôm thẻ chân trắng của Thái Lan, Trung Quốc. Thông thường, giá tôm thẻ chân trắng thấp hơn tôm sú khoảng 2USD/kg, trong khi đó chất lượng của hai loại tôm này rất khó phân biệt đối với



người tiêu dùng các nước nhập khẩu thủy sản. Vì vậy, tôm sú Việt Nam đang gặp khó khăn lớn khi xu hướng lựa chọn của người tiêu dùng ở các thị trường trên là sản phẩm tôm thẻ chân trắng của Thái Lan, Trung Quốc có giá rẻ mà chất lượng giá cả tương đương tôm sú của Việt Nam. Trong thời gian gần đây Công ty phải giảm giá xuất khẩu tôm sú trên 20% để cạnh tranh với tôm thẻ chân trắng của Thái Lan, Malaysia...

- Đối với vụ kiện bán phá giá tôm vào thị trường Mỹ, Công ty phải bỏ ra khoản tiền lớn để thuê luật sư của Mỹ nhằm đáp ứng kịp thời cho giai đoạn điều tra, kết quả chính thức lần này Bộ thương mại Hoa Kỳ (DOC-Department of Commerce) đã công bố mức thuế suất thuế chống bán phá giá áp dụng từ 01/02/2006 đến 31/01/2007 của Camimex là 0% và từ 01/02/2007 đến 31/08/2009 là 0,08%, đây là tiền đề và sự thuận lợi lớn cho Camimex trong các việc xem xét thuế chống bán phá giá trong các năm tiếp theo. Tuy nhiên khoản chi phí thuê luật sư là khá lớn làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

o Về tỷ giá và lãi suất ngân hàng:

- Nguyên liệu đầu vào Công ty mua bằng tiền Việt Nam đồng, trong khi giá trị xuất khẩu thu về bằng ngoại tệ. Trường hợp tỷ giá tăng thì doanh thu sẽ tăng lên, ngược lại nếu tỷ giá giảm sẽ làm doanh thu giảm, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Do khoản vay nợ ngân hàng của Công ty là khá lớn nên với mức lãi suất cao trong giai đoạn hiện nay sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

➤ **Ngành thủy sản Việt Nam**

Về qui mô kim ngạch xuất khẩu

Ngành thủy sản Việt Nam trong những năm gần đây được đánh giá là một ngành mũi nhọn có định hướng phát triển lâu dài của Việt Nam. Diện tích khai thác và nuôi trồng ngày càng được mở rộng với giá trị sản lượng luôn ở mức cao. Hằng năm, kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản luôn đứng trong top 05 các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao của Việt Nam. Theo bảng số liệu thống kê kim ngạch xuất khẩu năm 2008 dưới đây, dễ nhận thấy rằng thủy sản có qui mô và vị thế khá lớn trong các mặt hàng chủ lực nhằm thu hút ngoại tệ và làm gia tăng giá trị kinh tế cho Việt Nam.

STT	Mặt hàng (năm 2008)	Giá trị kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)
1	Dầu thô	10.356,8
2	Dệt, may	9.120,4
3	Giày dép	4.767,8



4	Thủy sản	4.510,1
5	Gạo	2.894,4
6	Sản phẩm gỗ	2.829,3
7	Điện tử, máy tính	2.638,4
8	Cà phê	2.111,2
9	Cao su	1.603,6
10	Than đá	1.388,0

Nguồn: Tổng cục thống kê – www.gso.gov.vn

Sản lượng và giá trị khai thác, nuôi trồng:

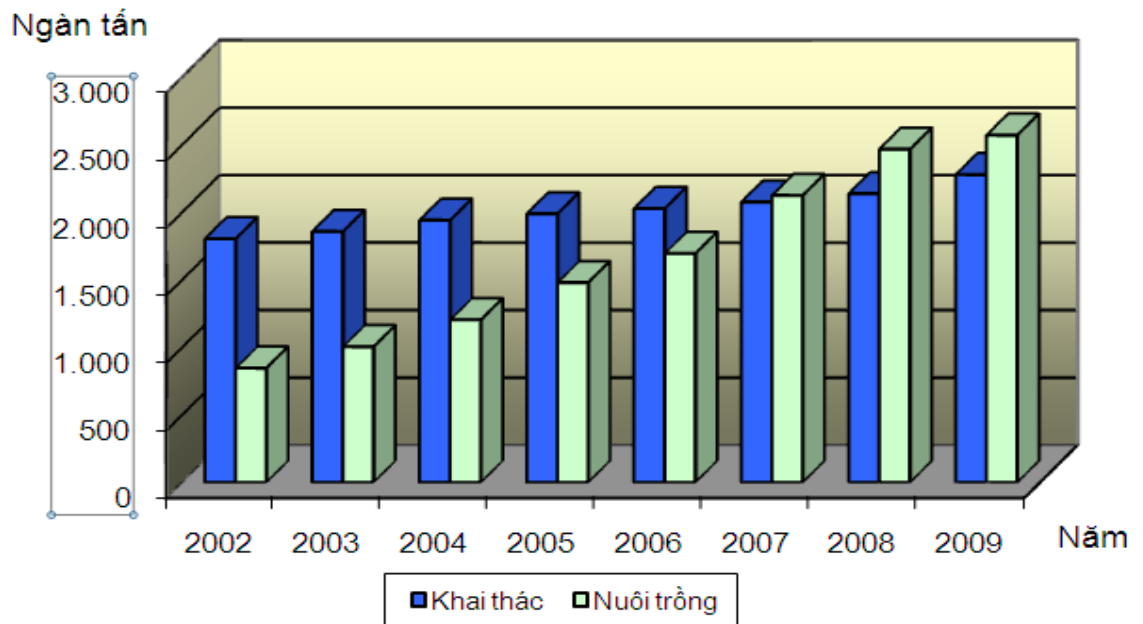
Sản lượng và giá trị nuôi trồng đang có xu hướng tăng mạnh và đã chính thức vượt qua sản lượng khai thác từ năm 2007. Trong khi đó giá trị nuôi trồng thủy sản luôn đạt mức cao hơn giá trị khai thác trong nhiều năm trở lại đây. Đây cũng là tín hiệu cho thấy ngành nuôi trồng thủy sản Việt Nam đang có bước tiến vượt bậc về qui mô và chất lượng nuôi trồng thủy sản.

Giá trị và sản lượng thủy sản Việt Nam qua các năm:

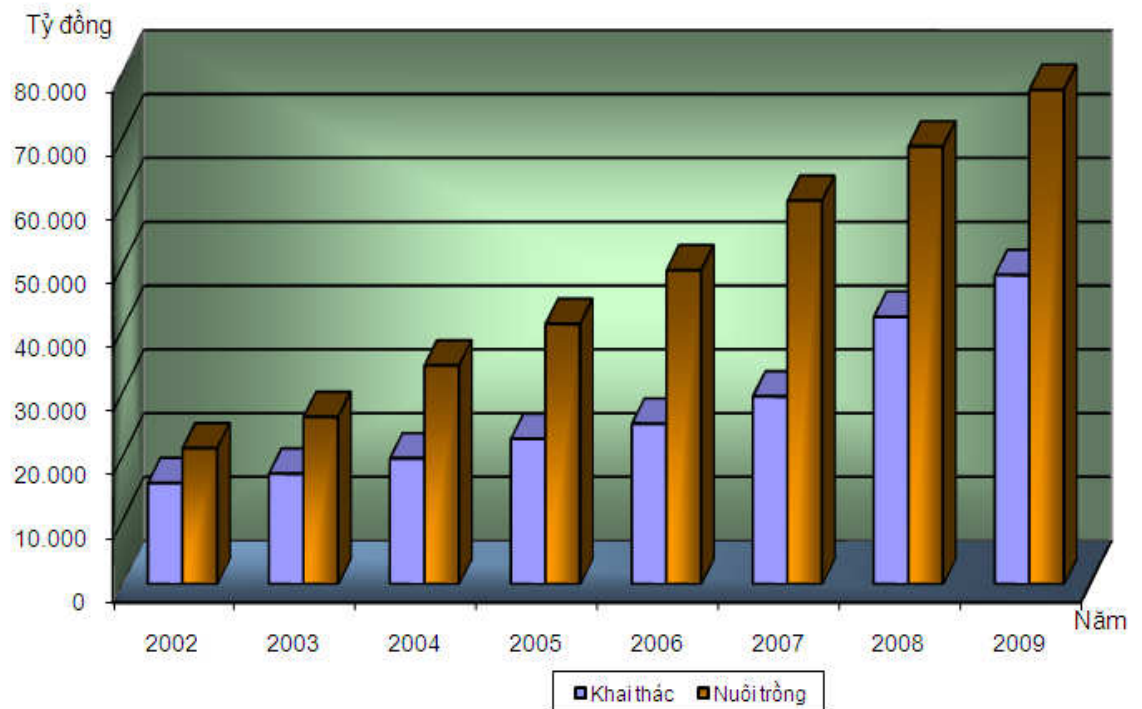
Năm	Giá trị			Sản lượng		
	Khai thác (tỷ đồng)	Nuôi trồng (tỷ đồng)	Tổng (tỷ đồng)	Khai thác (ngàn tấn)	Nuôi trồng (ngàn tấn)	Tổng cộng (ngàn tấn)
2001	15.356,6	16.842,2	32.198,8	1.724,8	709,9	2.434,7
2002	15.848,2	21.282,6	37.130,8	1.802,6	844,8	2.647,4
2003	17.297,7	26.184,8	43.482,5	1.856,1	1.003,1	2.859,2
2004	19.706,6	34.271,1	53.977,7	1.940,0	1.202,5	3.142,5
2005	22.770,9	40.778,3	63.549,2	1.987,9	1.478,0	3.465,9
2006	25.144,0	49.194,9	74.338,9	2.026,6	1.693,9	3.720,5
2007	29.411,1	60.098,6	89.509,7	2.074,5	2.123,3	4.197,8
2008	41.894,9	68.615,5	110.510,4	2.136,4	2.465,6	4.602,0
2009	48.450,0	77.480,0	125.930,0	2.277,7	2.569,9	4.847,6

Nguồn: Niên giám thống kê tóm tắt 2009 (Tổng cục Thống kê – www.gso.gov.vn)

Biểu đồ 1: Sản lượng thủy sản Việt Nam



Biểu đồ 2: Giá trị sản xuất thủy sản Việt nam



Diện tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản:

Diện tích nuôi trồng mặt hàng tôm và cá năm 2008 đã tăng gần 64% kể từ năm 2000, điều này cho thấy tốc độ tăng trưởng diện tích nuôi trồng thủy sản luôn đạt mức ổn định. Trong hai mặt hàng chủ lực của thủy sản là tôm và cá thì sản lượng cá có mức tăng ấn tượng hơn, trong khi sản lượng tôm tăng đều nhưng tốc độ tăng chậm hơn.

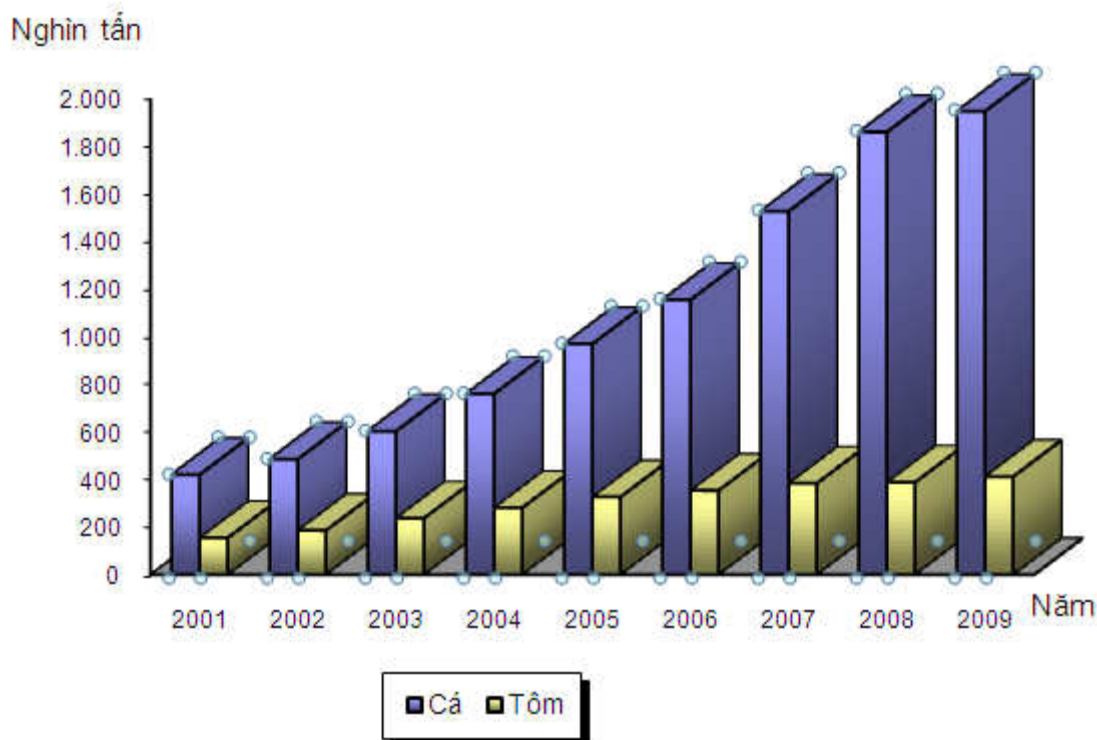


Đây cũng là đặc thù ngành khi việc nuôi trồng và chăm sóc tôm luôn đòi hỏi sự khắt khe và khó khăn hơn nhiều so với việc nuôi cá.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản:

Năm	Sản lượng (nghìn tấn)		Tổng (nghìn tấn)	Diện tích (ngàn ha)
	Cá	Tôm		
2001	421.0	154.9	575.9	755.2
2002	486.4	186.2	672.6	797.7
2003	604.4	237.9	842.3	867.6
2004	761.6	281.8	1,043.4	920.1
2005	971.2	327.2	1,298.4	952.6
2006	1,157.1	354.5	1,511.6	976.5
2007	1.530,3	384,5	1.914,8	1.018,8
2008	1.863,3	388,4	2.251,7	1.052,6
2009	1.951,1	413,1	2.364,2	1.044,7

Nguồn: Niên giám thống kê tóm tắt 2009 (Tổng cục Thống kê – www.gso.gov.vn)

Biểu đồ 3: sản lượng nuôi trồng thủy sản Việt Nam

➤ **Vị thế của Công ty trong ngành:**



Hiện nay ngành thủy sản Việt Nam có 439 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu với tổng công suất 4.262 tấn/ngày, trong đó có 209 nhà máy đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường EU, 300 doanh nghiệp áp dụng quy trình quản lý chất lượng sản phẩm theo HACCP đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Mỹ, 171 doanh nghiệp đủ điều kiện xuất khẩu sang thị trường EU, trong đó có Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (Nguồn: www.mofi.gov.vn).

Là công ty hoạt động trong ngành thủy sản đã hơn 30 năm, Camimex có một bề dày kinh nghiệm lớn trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản. Thương hiệu Camimex đã được thị trường nhiều nước trên thế giới biết đến, đặc biệt là thị trường Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ. So với các doanh nghiệp cùng ngành thủy sản nói chung thì hiện Camimex đứng thứ bảy về giá trị xuất khẩu, còn đối với các doanh nghiệp cùng sản xuất chế biến và xuất khẩu tôm thì năm 2009 Camimex đứng thứ ba về giá trị xuất khẩu. Như vậy, Camimex có vị thế khá lớn về quy mô doanh số xuất khẩu và thương hiệu đối với các doanh nghiệp thủy sản trong nước.

Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam năm 2009:

Doanh nghiệp xuất khẩu tôm	Năm 2009		
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Thứ hạng
MINH PHU SEAFOOD CORP	17.967	160.561.997	1
QUỐC VIỆT	9.430	82.510.474	2
CAMIMEX	6.943	71.379.497	3
STAPIMEX	7.220	70.696.797	4
PHUONG NAM CO	6.622	66.944.055	5
UTXI CO., LTD	6.673	62.209.971	6
VIETNAM FISH-ONE	6.079	54.005.995	7
FIMEX VN	5.470	49.811.540	8
KIM ANH	6.005	49.712.289	9
SEA MINH HAI	4.940	47.545.994	10

Nguồn : Tạp chí TMTS số 04 - 2010

➤ **Triển vọng phát triển của ngành:**

Trong những năm 1980 và 1990, phần lớn mặt hàng tôm sú của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản nhưng với giá trị thấp. Nhận thức được tầm quan



trọng của việc cải thiện chất lượng đối với hiệu quả xuất khẩu, kể từ giữa những năm 1990, các doanh nghiệp chế biến thủy sản đã tích cực trang bị những dây chuyền công nghệ hiện đại, dần đáp ứng được đòi hỏi của các thị trường tiêu dùng cao cấp như EU, Mỹ, Nhật. Việt Nam từ chỗ không có tên tuổi trong danh sách các nước xuất khẩu tôm trên thế giới thì đến năm 2003 tôm Việt Nam đã có mặt tại trên 60 nước và vùng lãnh thổ. Thị trường chính tiêu thụ tôm của Việt Nam vẫn là Nhật Bản và Mỹ, hai thị trường lớn này tiêu thụ tới 70 – 80% khối lượng tôm xuất khẩu của Việt Nam. Trong đó, Mỹ tuy là thị trường khá mới của Việt Nam nhưng lại có giá trị và sản lượng xuất khẩu tôm tăng nhanh.

Theo dõi thống kê kim ngạch xuất khẩu tôm từ năm 2000 tới nay, giá trị xuất khẩu luôn tôm luôn có mức tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 10%, về giá trị tuyệt đối, kim ngạch xuất khẩu tôm vẫn liên tục tăng trưởng và đến năm 2003 đã lần đầu tiên vượt qua mức 1 tỷ USD (đạt 1.057,9 triệu USD).

Trên thị trường tôm thế giới hiện nay, tôm sú đang gặp sự cạnh tranh gay gắt từ tôm thẻ chân trắng. Do giá tôm thẻ chân trắng rẻ hơn nhiều so với tôm sú, nên thị phần tôm sú ngày càng thu hẹp, và nguy cơ mất thị trường đang diễn ra trước mắt. Đây là khó khăn mà người nuôi tôm và các nhà doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản trong nước phải đối mặt. Các doanh nghiệp chế biến trong nước đang gặp khó khăn về thị trường tôm sú, do sự cạnh tranh khốc liệt giữa tôm sú Việt Nam với tôm thẻ chân trắng của Thái Lan, Trung Quốc và Indonesia. Nhận thức được khó khăn này, vào ngày 25 tháng 01 năm 2008 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã ra Chỉ thị số 228/CT-BNN-NTTS về việc Phát triển nuôi tôm chân trắng, Chỉ thị đã cho phép các tỉnh Nam bộ (Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long) được nuôi tôm chân trắng theo hình thức thâm canh. Như vậy, định hướng phát triển nuôi tôm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong những năm tới tôm sú vẫn là đối tượng nuôi chủ lực tại đồng bằng Nam bộ, đồng thời đa dạng hóa đối tượng và sản phẩm xuất khẩu trong thời kỳ hội nhập với việc tiếp tục nghiên cứu và nuôi trồng thêm sản phẩm tôm thẻ chân trắng.

➤ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Là doanh nghiệp chế biến xuất khẩu tôm chuyên nghiệp trên 30 năm ở Việt Nam, Camimex đã nhận thức rõ cần phải chuyển biến nhanh chóng và kịp thời với những diễn biến trên thị trường để không bị tụt hậu với tiến trình hội nhập trong giai đoạn ngày càng khốc liệt như hiện nay. Với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường xuất khẩu tôm, Camimex nhận thấy rằng, để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cần



phải thay đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng, giảm dần tỷ lệ sản phẩm thô. Ngoài ra, sau khi gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh giữa sản phẩm tôm sú và sản phẩm tôm thẻ chân trắng của Thái Lan, Trung Quốc trên thị trường Thế giới trong thời gian qua, Camimex đã chủ trương phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm. Dự kiến đầu năm 2010 Camimex xây dựng thêm 01 Xí nghiệp chế biến mặt hàng mới tổng vốn đầu tư trên 90 tỷ đồng với việc chế biến thêm sản phẩm tôm thẻ chân trắng, đồng thời nghiên cứu xây dựng nhà máy chế biến cá Basa để đáp ứng nhu cầu khách hàng đồng thời cạnh tranh với sản phẩm tôm thẻ chân trắng của Thái Lan và Trung Quốc.

Trên tinh thần Quyết định số 242/2006/QĐ-TTg ngày 25/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, mục tiêu cụ thể đến năm 2010 phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản bình quân trên 9%/năm, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 4 - 4,5 tỷ USD. Định hướng phát triển thủy sản của Việt Nam đến năm 2020 là phát triển ngành thủy sản tiếp tục là ngành đi đầu trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, phấn đấu đến năm 2020 trình độ công nghệ chế biến thủy sản tương đương với các nước phát triển, đưa thủy sản tiếp tục là ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của cả nước. Như vậy định hướng phát triển của Camimex là phù hợp với định hướng chung của ngành thủy sản nói chung và ngành tôm nói riêng. Đặc biệt, Công ty đã định hướng rõ cần phải chuyển dần một phần chế biến tôm sú sang các sản phẩm được chế biến từ tôm thẻ chân trắng để đáp ứng xu hướng tiêu dùng hiện nay trên thị trường thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

➤ Số lượng người lao động trong công ty đến thời điểm 25/05/2010:

SST	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng		
1	Hợp đồng lao động dài hạn	1.289	100%
2	Hợp đồng lao động ngắn hạn	0	0%
Tổng cộng		1.289	100%
II	Phân theo giới tính		
1	Lao động nam	484	37.55%
2	Lao động nữ	805	62,45%



Tổng cộng		1.289	100%
III	Phân theo trình độ		
1	Đại học	95	7,37%
2	Trung cấp	98	7,60%
3	Bằng nghề	1.096	85,03%
Tổng cộng		1.289	100%

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

➤ **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

Chính sách đào tạo

- Quy trình tuyển dụng của Công ty bắt nguồn từ nhu cầu lao động của các bộ phận, trưởng bộ phận lập yêu cầu về các chỉ tiêu tuyển dụng và chuyển lên phòng tổ chức hành chính tổng hợp và tổ chức tuyển dụng.
- Hàng năm Công ty thực hiện quy trình đánh giá năng lực cán bộ để đào tạo từ đó làm cho sự cạnh tranh trong từng cá nhân, bộ phận trong Công ty và thông qua đó tạo nguồn cán bộ để thực hiện chính sách thăng tiến nội bộ nhằm bù đắp những khó khăn trong tuyển dụng nhân sự cấp cao cũng như việc nâng cao tay nghề cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Căn cứ yêu cầu liên tục cải tiến của hệ thống, hàng năm công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để cập nhật và nâng cao trình độ cho cán bộ và công nhân lao động theo yêu cầu của các bộ phận.
- + *Đào tạo nội bộ:* Được tổ chức tại Công ty bằng các hình thức thuê giảng viên từ các trường đại học và các chuyên gia chuyên ngành đến đào tạo ngắn hạn và tập trung để nâng cao tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng cho các bộ phận phòng ban trong Công ty.
- + *Đào tạo bên ngoài:* Gởi đi đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các tổ chức đào tạo khác, với nhiều hình thức đào tạo khác nhau như: dài hạn, ngắn hạn và nội dung đào tạo nhằm mục đích nâng cao tay nghề và năng lực cho cán bộ công nhân viên nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh như: kỹ thuật chế biến thủy sản, nghiệp vụ tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng. Đối tượng đào tạo là: Cán bộ quản lý, nhân viên các phòng ban. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.
- Đến nay, tuy lực lượng chuyên môn còn thiếu nhưng đã có nhiều cán bộ quản lý tại các phòng ban, phân xưởng đều đã được học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP, BRC, ISO 9001:2000... đã góp phần ngày càng hoàn thiện hơn năm lực của cán bộ công nhân viên.

Chính sách tiền lương, thưởng:

- Đối với cán bộ công nhân lao động: Công ty trả lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng, thông qua việc tham khảo mặt bằng lương trong khu vực. Đối với



cán bộ cấp cao công ty trả lương theo phương thức khoán mức lương tối thiểu và sẽ được tăng lên từng mức lương tương ứng với mức lương sản lượng sản xuất và tiêu thụ hàng tháng. Đối với nhân viên lao động gián tiếp Công ty xây dựng quy chế trả lương khoán cho từng vị trí công việc, mỗi vị trí công việc có nhiều mức lương và được lãnh đạo bộ phận kiểm tra hàng tháng và gửi về bộ phận tiền lương tổng hợp trình Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất Công ty thực hiện chi trả theo sản phẩm làm ra.

- Hàng năm Công ty tổ chức bình bầu xét khen thưởng thứ hạng A B C theo tiêu chí ngày công lao động, năng suất lao động, mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả công việc và thực hiện khen thưởng thỏa đáng cho tập thể, cá nhân có thành xuất sắc, nhất là cán bộ cấp cao nhằm động viên và thu hút những người có năng lực.
- Các khoản phúc lợi của Công ty trích xây dựng nhà ăn tập thể cho cán bộ và công nhân lao động để phục vụ cho buổi ăn mỗi ngày...
- Chế độ làm việc: Về điều kiện làm việc như văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế thoáng mát, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp của công ty được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách trợ cấp:

Công ty có chính sách trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, v.v... Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban chấp hành Công đoàn.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHCĐ.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Dự kiến trong những năm 2010 Công ty chia cổ tức với tỷ lệ 76,5% lợi nhuận sau thuế. Tỷ lệ cổ tức đã trả năm 2008 và 2009 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
Cổ tức bằng tiền mặt (%/VĐL)	30%	10%
Cổ tức bằng cổ phiếu (%/VĐL)	-	-
Tổng cộng	30%	10%

**11. Tình hình hoạt động tài chính****11.1 Các chỉ tiêu cơ bản (trong năm 2009)**

- **Công ty trích khấu hao TSCĐ phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:**

Đối với tài sản cố định hữu hình:

- TSLĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSLĐ bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Đối với tài sản cố định vô hình: Quyền sử dụng đất được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước. Giá trị tài sản cố định vô hình bao gồm chi phí đền bù, giải tỏa và chi phí san lấp mặt bằng.

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)
I	TSCĐ hữu hình	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
2	Máy móc thiết bị	04 – 10
3	Phương tiện vận tải	05 – 10
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
5	TSCĐ hữu hình khác	04 – 10
II	II. TSCĐ vô hình	
1	Quyền sử dụng đất	10

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 của Camimex

- **Hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Chi tiết Hàng tồn kho của Công ty như sau:

Hàng tồn kho	31/12/2008	31/12/2009	30/6/2010
Nguyên liệu, vật liệu	7.241.291.850	7.029.463.376	11.034.487.550
Công cụ dụng cụ	454.661.309	404.405.987	923.862.726
Thành phẩm	223.822.750.260	324.880.666.112	377.872.530.058
Hàng hoá	-	22.117.157	14.689.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-27.240.321.317	-22.000.000.000	-
Tổng cộng	204.278.382.102	310.336.652.632	389.845.569.774

Nguồn: Các Báo cáo tài chính của Camimex

- **Mức lương bình quân:** theo Báo cáo của Đại hội cổ đông thường niên năm 2009, thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2009 là 2.200.000 đồng/người. Đây là mức thu nhập thuộc loại trung bình so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng ngành trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các tỉnh khác thuộc khu vực Miền Tây Nam bộ.
- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Công ty luôn tuân thủ việc thanh toán các khoản nợ đến hạn đầy đủ và đúng hạn.
- **Các khoản phải nộp theo luật định:** Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí... luôn được Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình
- **Trích lập các quỹ theo luật định:** việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của năm 2008, 2009 và 6 tháng 2010 như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Các quỹ	31/12/2008	31/12/2009	30/6/2010
1	Quỹ đầu tư phát triển	21.967.454.376	1.484.114.927	1.484.114.927
2	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	7.601.636.762	10.468.607.938	6.698.909.596
	Tổng cộng	29.569.091.138	11.952.722.865	8.183.024.523

Nguồn: Các Báo cáo tài chính của Camimex

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty. Công ty không trích quỹ dự phòng tài chính trong thời gian vừa qua là do chưa có nhu cầu, Công ty sẽ thực hiện trích quỹ dự phòng tài chính khi có nhu cầu theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Trong năm 2009 Công ty đã dùng số tiền 21.951.810.000 từ Quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn điều lệ Công ty theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008.

➤ **Tổng dư nợ vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	30/6/2010
Vay ngắn hạn	504.795.567.707	498.218.112.768
+ Ngân hàng Á Châu chi nhánh Cà Mau	125.532.400.000	71.694.812.800
+ Ngân hàng ANZ	75.800.000.000	90.865.600.000
+ Ngân hàng đầu tư & phát triển	9.397.003.150	-

**BẢN CÁO BẠCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

+ Eximbank Cái Khế	89.446.500.000	81.251.075.968
+ HSBC	11.100.000.000	43.355.872.000
+ Ngân hàng Quốc tế Việt Nam Cà Mau	-	47.344.320.000
+ VCB Cà Mau	193.519.664.557	136.520.928.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Cà Mau	-	27.185.504.000
Vay dài hạn	9.204.059.625	13.173.059.625
+ Vay Vietcombank chi nhánh Cà Mau	9.204.059.625	13.173.059.625
Tổng cộng	513.999.627.332	511.391.172.393

Nguồn: Các Báo cáo tài chính của Camimex

Theo các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

➤ **Tình hình công nợ hiện nay:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	30/6/2010
Nợ ngắn hạn	624.509.335.187	625.911.427.282
Vay và nợ ngắn hạn	535.299.960.732	523.402.003.814
Phải trả cho người bán	41.928.279.932	57.798.061.634
Người mua trả tiền trước	819.875.876	787.845.555
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà Nước	1.272.569.226	6.975.981.704
Phải trả công nhân viên	3.542.862.186	3.463.395.244
Chi phí phải trả	4.777.232.916	4.447.154.952
Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.468.607.938	6.698.909.596
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26.399.946.381	22.338.074.783
Nợ dài hạn	9.360.210.309	13.173.059.625
Vay và nợ dài hạn	9.204.059.625	13.173.059.625
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	156.150.684	-
Tổng cộng	633.869.545.496	639.084.486.907

Nguồn: Các Báo cáo tài chính của Camimex

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			



- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,08	1,01	1,09
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,44	0,52	0,47
2. Chỉ tiêu đòn bẩy tài chính			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	70,7%	83,2%	78,8%
- Hệ số nợ/Vốn Chủ sở hữu	251,7%	496,6%	372,2%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay tài sản lưu động (lần)	3,71	2,63	0,95
- Kỳ thu tiền bình quân (lần)	16,58	15,63	5,15
- Kỳ trả tiền bình quân (lần)	3,41	2,61	0,99
- Vòng quay hàng tồn kho (lần)	5,49	4,47	1,58
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	2,74	1,69	0,77
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,50%	2,29%	5,39%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	24,40%	23,01%	19,70%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	6,85%	3,86%	4,17%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,25%	2,43%	6,04%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ phần	34,23%	25,55%	29,42%

Nguồn: Tổng hợp của Camimex

Nhận xét:

Khả năng thanh toán: theo kết quả tính toán ở bảng trên, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty trong năm 2009 giảm so với năm 2008, tuy nhiên vẫn đang ở mức phù hợp đối với ngành sản xuất chế biến là 1,03 lần, áp lực thanh toán ở mức trung bình.

Chỉ tiêu đòn bẩy tài chính: các hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu hiện tại của Công ty đang ở mức khá cao và có chiều hướng tăng, đây là đặc thù của các công ty chế biến nói chung khi Công ty phải mua nguyên liệu để chế biến trước khi bán ra thị trường. Tỷ trọng chi phí nguyên liệu đầu vào luôn chiếm khoảng 90% chi phí, trong khi đó quy mô và khối lượng sản phẩm lớn dẫn đến doanh nghiệp cần nhiều vốn lưu động để trang trải các chi phí nguyên liệu đầu vào.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Các chỉ tiêu này hiện ở mức khá ổn định, ít biến động. Số liệu trên vẫn cho thấy Công ty vẫn đang kiểm soát tốt dòng tiền, cụ thể kỳ thu tiền bình quân trong năm 2009 là 15,63 lần, tương đương 23 ngày cho một khoản phải thu, trong khi đó khoản phải trả có số vòng quay là 2,64 lần, tương đương 138 ngày phải trả. Vòng quay hàng tồn kho năm 2009 là 4,47 lần tương đương gần 82 ngày cho hàng tồn kho, số ngày tồn kho này ở mức trung bình đối với một doanh nghiệp chế biến trong ngành thủy sản.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: năm 2009 các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động có xu hướng giảm so với năm 2008. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới và Công ty đã tăng vốn trong năm. Tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2009, Công ty đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2010 là 27 tỷ đồng, tuy nhiên 6 tháng đầu năm 2010 Công ty đã đạt gần 34 tỷ đồng lợi nhuận. Nguyên nhân chủ yếu là từ khoản hoàn nhập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

(1) Họ và tên:	Nguyễn Thị Tuyết
- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	1960
- Số CMND: 381005329	Nơi cấp: CA Cà Mau Ngày cấp: 15/8/1996
- Nơi sinh:	Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú:	Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP. Cà Mau, Cà Mau
- Điện thoại liên lạc:	0913788521
- Trình độ học vấn:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Đại học thủy sản
- Quá trình công tác:	
+ Trước ngày 30/04/2004:	Phó giám đốc Sở thủy sản tỉnh Cà Mau
+ Từ 01/05/2004 đến 12/01/2006:	Giám đốc Công ty chế biến thủy sản và XNK Cà Mau (Camimex)
+ Từ ngày 12/01/2006 đến nay:	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chế biến thủy sản & XNK Cà Mau



- Chức vụ tại Công ty hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: 3.963.262 cổ phần (34,47%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 3.963.262 cổ phần (34,47%)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không có
- (2) Họ và tên: Nguyễn An Ninh**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1958
- Số CMND: 024986574 Nơi cấp: C.A TP. HCM Ngày cấp: 30/9/2008
- Nơi sinh: Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 111 Cao Thắng, P. 17, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
- Điện thoại liên lạc: 0913893268
- Trình độ học vấn: 9/10
- Trình độ chuyên môn: Không
- Quá trình công tác:
 - Trước ngày 12/01/2006 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hải Nam
 - Từ ngày 12/01/2006 đến nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
- Chức vụ tại Công ty hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH Hải Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 1.252.127 cổ phần (10,89%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 1.252.127 cổ phần (10,89%)
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Những người có liên quan:
 - Vợ: Nguyễn Hồng Lĩnh Số cổ phần nắm giữ: 36.317 cổ phần (0,32%)
 - Con: Nguyễn Hoàng Nam Số cổ phần nắm giữ: 10.403 cổ phần (0,09%)
(thành viên HĐQT Công ty)
- (3) Họ và tên: Hồ Văn Dòn**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 1961
 - Nơi sinh: Tân Thành, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 - Số CMND: 380016867 Nơi cấp: CA. Cà Mau Ngày cấp: 31/5/2001
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Tân Thành, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 - Địa chỉ thường trú: Tắc Thủ, Hồ Thị Kỳ, Thới Bình, tỉnh Cà Mau
 - Điện thoại liên lạc: 0917600900
 - Trình độ học vấn: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán
 - Quá trình công tác:
 - Trước ngày 30/4/2004: Công tác tại Cục thuế tỉnh Cà Mau
 - Từ tháng 5/2004 đến 02/01/2006: Kế toán trưởng Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
 - Từ 12/01/2006 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
 - Chức vụ tại Công ty hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 - Chức vụ tại tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần nắm giữ: 503.310 (4,38%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 503.310 (4,38%)
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có



- Những người có liên quan:

- Con: Hồ Minh Nghiệp Số cổ phần nắm giữ: 20.991 cổ phần (0,18%)

(4) Họ và tên: Nguyễn Hoàng Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1985
- Nơi sinh: Cà Mau
- Số CMND: 024986486 Nơi cấp: CA TP. HCM Ngày cấp: 19/09/2008
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: 111 Cao Thắng, P. 17, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
- Điện thoại liên lạc: 0913893268
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Monash (Úc)
- Quá trình công tác:
 - Từ 30/7/2009 đến nay: Nhân viên Công ty CP Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau
- Chức vụ tại Công ty hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 10.403 cổ phần (0,09%)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 10.403 cổ phần (0,09%)
- Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (0%)

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

- Mẹ: Nguyễn Hồng Lĩnh Số cổ phần nắm giữ: 36.317 cổ phần (0,32%)
- Bố: Nguyễn An Ninh Số cổ phần nắm giữ: 1.252.127 cổ phần (10,89%)

(5) Họ và tên: Tôn Thất Ái Quang

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1966
- Nơi sinh: Tỉnh Thừa Thiên Huế



- Số CMND: 457863237 Nơi cấp: Bộ Công An Ngày cấp: 28/11/2008
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 8 Hillbeck Grove, Middleton, Milton Keynes, MK109JJ, UK
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại học Cambridge
- Quá trình công tác:
 - Trước năm 2007: Giám đốc Công ty Viettrade Ltd
 - Từ tháng 5/2007: Giám đốc Công ty TNHH DV Bảo Hiểm Nam Long
- Chức vụ tại Công ty hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (0%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (0%)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:
- (6) Họ và tên: Lâm Dạ Vũ**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1962
- Nơi sinh: tỉnh Bạc Liêu
- Số CMND: 380083227 Nơi cấp: CA Cà Mau Ngày cấp: 10/10/1994
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: tỉnh Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú: 208/12 Hồ Văn Huệ, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
- Điện thoại liên lạc: 0903330394
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Quá trình công tác:



- Hiện nay đang công tác tại: Công ty TNHH LDV
 - Chức vụ tại Công ty hiện nay: Thành viên HĐQT
 - Chức vụ tại tổ chức khác: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (0%)
- Trong đó:*
- *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phần (0%)
 - *Đại diện phần vốn Nhà nước:* 0 cổ phần (0%)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:
 - Em: Lâm Tường Linh Số cổ phần nắm giữ: 74.308 cổ phần (0,65%)

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

- (1) Họ và tên: Đào Công Khanh**
- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 1964
 - Nơi sinh: Phường 7, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 - Số CMND: 380528377 Nơi cấp: CA Cà Mau Ngày cấp: 03/12/1982
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Phường 7, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 - Địa chỉ thường trú: Phường 7, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 - Điện thoại liên lạc: 0917475000
 - Trình độ học vấn: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Trung cấp tài chính kế toán
 - Quá trình công tác:
 - Trước ngày 12/01/2006 : Ban Xây dựng cơ bản của Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
 - Từ 12/01/2006 đến nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
 - Chức vụ tại Công ty hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát
 - Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH Việt Cường
 - Số cổ phần nắm giữ: 4.071 cổ phần (0,04%)



Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân:* 4.071 cổ phần (0,04%)
- *Đại diện phần vốn Nhà nước:* Không
- *Hành vi vi phạm pháp luật:* Không có
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:* Không có
- *Các khoản nợ đối với Công ty:* Không có
- *Những người có liên quan:* Không có
- (2) Họ và tên: Nguyễn Hoàng Nghi**
- *Giới tính:* Nam
- *Ngày tháng năm sinh:* 01/10/1980
- *Nơi sinh:* Cà Mau
- *Số CMND: 381025716* Nơi cấp: CA Cà Mau Ngày cấp: 28/8/2009
- *Quốc tịch:* Việt Nam
- *Dân tộc:* Kinh
- *Quê quán:* Cà Mau
- *Địa chỉ thường trú:* Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- *Điện thoại liên lạc:* 0919109000
- *Trình độ học vấn:* 12/12
- *Trình độ chuyên môn:* Trung cấp kế toán, Đại học QTKD
- *Quá trình công tác:*
 - *Từ 2001 – đến 2004:* Công tác tại Công ty CP chế biến và XNK thủy sản CADOVIMEX
 - *Từ 2004 – đến 2006:* Công tác tại Công ty CP thực phẩm thủy sản Cà Mau
 - *Từ 2007 – đến nay:* Công tác tại Phòng TCHC Cty CP CBTS & XNK Cà Mau
- *Chức vụ tại Công ty hiện nay:* Thành viên Ban kiểm soát
- *Chức vụ tại tổ chức khác:* Không
- *Hành vi vi phạm pháp luật:* Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:* Không
- *Các khoản nợ đối với Công ty:* Không có
- *Số cổ phần nắm giữ:* 0 cổ phần (0%)

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phần (0%)



- *Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (0%)*
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có
- (3) Họ và tên: Nguyễn Thảo Dân**
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 1984
 - Nơi sinh: Tiền Giang
 - Số CMND: 311766179 Nơi cấp: CA Tiền Giang Ngày cấp: 10/7/1999
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Việt Tiến, Việt Yên, Bắc Giang
 - Địa chỉ thường trú: TP. Hồ Chí Minh
 - Trình độ học vấn: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân công nghệ thông tin
 - Quá trình công tác:
 - Năm 2007: Chuyên viên Tài chính công ty thép Liên Á Châu
 - Từ 2007 – đến nay: Chuyên viên phân tích tài chính Công ty Dragon Capital
 - Chức vụ tại Công ty hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
 - Chức vụ tại tổ chức khác: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (0%)
- Trong đó:*
 - *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%)*
 - *Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (0%)*
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có

12.3. Kế toán trưởng

- **Họ và tên: Trần Quốc Phong**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1955
- Nơi sinh: Phường 7, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Số CMND: 380014649 Nơi cấp: CA Cà Mau Ngày cấp: 16/05/1998
- Quốc tịch: Việt Nam



- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường 7, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Phường 7, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên lạc: 0913378162
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán tài chính
- Quá trình công tác:
 - Trước ngày 12/01/2006: Phó phòng kế toán Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
 - Từ 12/01/2006 đến nay: Phụ trách phòng kế toán Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau
- Chức vụ tại Công ty hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 19.457 cổ phần (0,17%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 19.457 cổ phần (0,17%)
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không có

13. Tài sản

Tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty đến thời điểm 31/12/2009

TT	Bất động sản	Diện tích (m ²)	Thời gian thuê (Năm)
01	Xí nghiệp chế biến thủy sản 2	18.135	20
02	Xí nghiệp chế biến thủy sản 4	8.378	20
03	Kho lạnh TP Hồ Chí Minh	2.426	50
	Tổng cộng	28.939	-

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I. Tài sản cố định hữu hình	194.541.006.680	91.449.728.091	103.091.278.589
- Nhà cửa, vật kiến trúc	61.650.327.447	27.114.264.940	34.536.062.507
- Máy móc, thiết bị	125.732.411.187	61.154.410.832	64.578.000.355
- Phương tiện vận tải	3.543.167.510	1.098.081.927	2.445.085.583
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.356.489.815	1.314.817.139	1.041.672.676
- TSCĐ hữu hình khác	1.258.610.721	768.153.253	490.457.468
II. Tài sản cố định vô hình	2.793.913.542	1.446.896.491	1.347.017.051
- Quyền sử dụng đất	2.793.913.542	1.446.896.491	1.347.017.051
- TSCĐ vô hình khác	-	-	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 của Camimex***14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012:**

Căn cứ vào những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới nói chung và của ngành thủy sản Việt Nam nói riêng, căn cứ vào chiến lược phát triển của ngành thủy sản cùng với việc đánh giá những điểm mạnh, tồn tại và vị thế hiện tại của mình, Công ty đã đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức cho giai đoạn 2010 – 2012 như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2010 – 2012:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Sản lượng thu mua	Tấn	8.500	9.000	9.500
Sản lượng SXCB	Tấn	5.500	6.000	6.500
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	5.560	5.800	6.000
Kim ngạch xuất khẩu	Ngàn USD	56.500	60.000	65.000
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.300.000	1.400.000	1.500.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	36.000	36.667	40.000
Thuế TNDN	Triệu đồng	9.000	9.167	10.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	27.000	27.500	30.000

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh như trên, Công ty dự kiến mức chia cổ tức cho giai đoạn 2010 – 2012 như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị, tỷ lệ	tăng giảm so với 2009 (%)	Giá trị, tỷ lệ	tăng giảm so với 2010 (%)	Giá trị, tỷ lệ	Tăng giảm so với 2011 (%)
1. Vốn Điều lệ	114.968	0%	114.968	0	114.968	0
2. Doanh thu thuần	1.300.000	2%	1.400.000	8	1.500.000	7
3. Lợi nhuận sau thuế	27.000	-8%	27.500	2	30.000	9
4. Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	2,08%	-10%	1,96%	-5	2,00%	2
5. Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	23,48%	-8%	23,92%	2	26,09%	9
6. Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá	17%	-8%	18%	2	19%	9

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

– **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.**

Với tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty ở mức khá ổn định, kế hoạch lợi nhuận và mức chi trả cổ tức như dự kiến ở trên là hoàn toàn có khả năng thực hiện được.

– **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:**

Đầu tư nhà máy chế biến cá tại Hậu Giang:

Dự án đầu tư nhà máy chế biến cá tại tỉnh Hậu Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tuy nhiên thời gian vừa qua nền kinh tế trên thế giới có nhiều biến động nên Công ty đã tạm dừng triển khai dự án này.

Đầu tư nhà máy chế biến mặt hàng mới tại Cà Mau: dự án này nhằm duy trì năng lực sản xuất hiện có, tăng cường sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng đồng thời tăng khả năng lưu trữ nguyên liệu cho Camimex:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009
01	Xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm giá trị gia tăng tại Xí nghiệp 5	Triệu đồng	90.000
02	Mua mới trang thiết bị thay thế cho các nhà máy	Triệu đồng	7.000



	SXCB		
02	Mua đất, nuôi tôm khoảng 100 ha	Triệu đồng	12.000

Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng ngành thủy sản nói chung và ngành chế biến xuất khẩu tôm nói riêng, chúng tôi cho rằng thị trường chế biến xuất khẩu thủy sản trong thời gian tới sẽ tăng trưởng bền vững. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ duy trì tốt trong những năm tới, các dự án Công ty đầu tư đều được đánh giá là có khả năng sinh lời tốt. Tuy nhiên, Công ty cần phải lưu ý đến tiến độ triển khai của các dự án để bảo đảm kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 3 năm 2010-2012 là có tính khả thi và như vậy thì Công ty sẽ đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét trên chỉ có ý nghĩa tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

▪ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 được tổ chức vào ngày 19 tháng 06 năm 2008 đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ thêm 8.000.000 cổ phần tương đương 80 tỷ đồng mệnh giá, cụ thể như sau:

Phương án chào bán:

- ✓ Số lượng cổ phần chào bán: 8.000.000 cổ phần
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- ✓ Loại chứng khoán chào bán: cổ phiếu phổ thông



Đối tượng chào bán:

- ✓ Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền với số cổ phiếu chào bán tương ứng theo tỷ lệ 3:2, tức cổ đông sở hữu 03 cổ phần được quyền mua thêm 02 cổ phần chào bán. Giá chào bán ủy quyền cho HĐQT quyết định (HĐQT thuê tư vấn để định giá bán phù hợp). Trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán tiếp cổ phiếu này với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- ✓ Chào bán cho cán bộ chủ chốt theo danh sách được HĐQT phê duyệt có danh sách kèm theo với tổng số lượng cổ phần chào bán là 100.000 cổ phần. Giá chào bán ủy quyền cho HĐQT quyết định (HĐQT thuê tư vấn để định giá bán phù hợp). Trường hợp không mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán tiếp cổ phiếu này với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- ✓ Số cổ phiếu còn lại tương ứng sau khi trừ phần cổ phiếu dự định bán cho cổ đông hiện hữu và 100.000 cổ phần chào bán cho cán bộ chủ chốt dành chào bán cho các đối tác chiến lược nhất định. Giá chào bán: Ủy quyền cho HĐQT quyết định nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Mục đích chào bán:

- ✓ Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán trên dùng để đầu tư dự án Nhà máy chế cá Hậu Giang giai đoạn 1 với giá trị đầu tư khoảng 153.986 triệu đồng. Tuy nhiên, đợt chào bán này đang tạm hoãn do điều kiện kinh tế chưa thuận lợi.

▪ **Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009**

Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 được tổ chức vào ngày 15 tháng 05 năm 2010 đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ thêm 10.000.000 cổ phần tương đương 100 tỷ đồng mệnh giá, cụ thể như sau:

Phương án chào bán cổ phiếu:

- ✓ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- ✓ Mệnh giá: 10.000 (mười ngàn) đồng cổ phần
- ✓ Số lượng cổ phần chào bán: 10.000.000 (mười triệu) cổ phần
- ✓ Tổng giá trị theo mệnh giá: 100.000.000.000 (một trăm tỷ) đồng

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: (02 cổ phần được mua 01 cổ phần)
 - ✎ Số lượng chào bán: 5.748.398 cổ phần
 - ✎ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Chào bán cho cán bộ chủ chốt trong công ty (5%/Vốn điều lệ công ty), số cổ phần này bị hạn chế trong vòng 3 năm không được chuyển nhượng.



- ✎ Số lượng chào bán: 574.840 cổ phần
- ✎ Giá chào bán: 12.000 đồng/cổ phần
- Chào bán cho nhà đầu tư bên ngoài:
 - ✎ Số lượng chào bán: 3.676.762 cổ phần
 - ✎ Giá chào bán: Ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn giá chào bán nhưng không thấp hơn giá trị sổ sách.

Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Số tiền thu được từ đợt phát hành được dùng để đầu tư nhà máy sản xuất chế biến mặt hàng GTGT và đầu tư nuôi tôm công nghiệp tại tỉnh KiênGiang.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lập phương án chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả cho Công ty.

Tiến độ thực hiện:

Dự kiến sau khi lên niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, HĐQT sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Từ năm 2007-2009, Công ty đã chào bán chứng khoán vi phạm pháp luật chứng khoán, Thanh tra UBCKNN đã xử lý vi phạm, Công ty chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán vi phạm nêu trên và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có khiếu kiện.

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, Công ty có phát sinh vụ kiện về việc tranh chấp đất tại số 999 Lý Thường Kiệt, P. 6, Tp. Cà Mau. Thửa đất này là của Công ty thuê của Nhà nước với diện tích trên giấy tờ là 32.174,4 m². Khi tiến hành đo đạc thực tế, diện tích chỉ còn 27.191,9m². Nguyên nhân của sự chênh lệch trên là do trước đây phương pháp đo đạc còn thủ công, bản đồ ảnh không chính xác và có sự chồng lấn ranh giới giữa Công ty và các hộ dân giáp ranh.

Hiện nay Công ty đang cùng các ngành chức năng của tỉnh Cà Mau đang làm lại các thủ tục để cấp lại quyền sử dụng đất cho chính xác. Tuy nhiên, sự việc này không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần



3. **Tổng số chứng khoán niêm yết: 11.496.797 cổ phần**
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

Danh sách HĐQT, Ban TGD, BKS, Kế toán trưởng của Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần đang nắm giữ
1	Nguyễn Thị Tuyết	Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT	-
2	Nguyễn An Ninh	Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.252.127
3	Hồ Văn Dòn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-
4	Lâm Dạ Vũ	Ủy viên HĐQT	-
5	Nguyễn Hoàng Nam	Ủy viên HĐQT	10.403
6	Tôn Thất Ái Quang	Ủy viên HĐQT	-
7	Trần Quốc Phong	Kế toán trưởng	19.457
8	Đào Công Khanh	Trưởng ban kiểm soát	4.071
9	Nguyễn Hoàng Nghi	Thành viên ban kiểm soát	-
10	Nguyễn Thảo Dân	Thành viên ban kiểm soát	-
	Tổng cộng		1.286.058

Các cổ đông nội bộ cam kết nắm giữ 100% cổ phần nắm giữ trong vòng 6 tháng đầu và 50% cổ phần trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết đầu tiên.

5. Phương pháp tính giá:

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định theo phương pháp lấy bình quân gia quyền các kết quả được tính theo phương pháp P/E.

Giá cổ phiếu được tính toán dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, quý 1/2010, dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 do Camimex lập và TLS phân tích, nhận định về thực trạng thị trường chứng khoán và những rủi ro liên quan.

Thông số về các chỉ số các cổ phiếu của các công ty thủy sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 15/09/2010 (dựa trên số liệu bản tin Thông tin thị trường của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ra ngày 16/9/2010):



Chứng khoán	EPS (1.000 đồng)	Giá thị trường (1.000 đồng/CP)	P/E (lần)
ABT	10,53	50,5	4,80
ACL	7,86	30,4	3,87
AGF	3,02	27,8	9,21
AAM	4,81	24,5	5,09
FMC	1,87	13,3	7,11
ICF	1,65	12,1	7,33
SJ1	3,10	22,9	7,39
TS4	4,39	26,7	6,08
VHC	5,88	34,0	5,78
MPC	4,32	33,2	7,69
TRUNG BÌNH			6,43

➤ **Phương pháp P/E:**

Theo phương pháp này, giá cổ phiếu được xác định theo công thức:

$$P = EPS \times P/E$$

Trong đó:

EPS: là thu nhập trên 1 cổ phần của Công ty dự kiến của năm 2010.

P/E: là P/E bình quân các công ty cùng ngành đang niêm yết trên TTCKVN

Tính toán thu nhập trên 1 cổ phần:

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009, kế hoạch lợi nhuận của Công ty trong năm 2010 là 27 tỷ đồng, kết quả 6 tháng đầu năm 2010 lợi nhuận của Công ty đã đạt gần 34 tỷ đồng. Theo nguyên tắc thận trọng, phòng ngừa các biến động trong hoạt động kinh doanh trong những tháng cuối năm 2010, Công ty vẫn giữ kế hoạch lợi nhuận là 27 tỷ đồng. Như vậy:

Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2010: 27.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phần lưu hành vào cuối năm 2010: 11.496.797 cổ phần

$EPS = 27.000.000.000 / 11.496.797 = 2.348,5$ đồng/cổ phần

Chỉ số P/E bình quân các công ty trong ngành thủy sản đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại thời điểm 15/9/2010 là 6,43 lần, như vậy:

Giá cổ phiếu tính theo phương pháp P/E là:

$$P = 6,43 \times 2.348,5 = 15.111 \text{ đồng/cổ phần.}$$

Như vậy, Công ty lấy làm tròn với mức giá **15.000 đồng/cổ phần** làm mức giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 25/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty đại chúng.

7. Các loại thuế có liên quan:

➤ Thuế liên quan đến tổ chức phát hành

- Thuế GTGT: phương pháp tính thuế: phương pháp khấu trừ; thuế suất: 5% và 10%.
- Thuế xuất khẩu: Căn cứ: Quyết định 103/1998/QĐ-BTC ngày 06/02/1998 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu; căn cứ Mục III, Điểm 4, Khoản 4.2 của Thông tư 85/2003/TT-BTC ngày 29/08/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện phân loại hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, biểu thuế xuất khẩu, các mặt hàng của Công ty được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu là 0%.
- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.

➤ Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Đối với nhà đầu tư cá nhân:

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, thì:

- Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).
- Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1% và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.



- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%

Đối với doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính Phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty đăng ký miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, như vậy giai đoạn từ năm 2008 - 2010 Công ty sẽ chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập chịu thuế. Từ năm 2011 Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức 20% thu nhập chịu thuế.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG



Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3726 2600

Fax (84.4) 3726 2601

Website: www.thanglongsc.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Q. 1, HCM

Điện thoại: (84 - 08) 3910 6411

Fax: (84 – 08) 3910 6153

2. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)



Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 38272295

Fax: 08 38272300

Website: www.auditconsult.com.vn

Chi nhánh Cần Thơ:

Địa chỉ: 162C/4 Trần Ngọc Quế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: (84 – 071) 3764995

Fax: (84 – 071) 3764996



VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
4. Phụ lục V: Các Báo cáo tài chính:
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008, 2009 của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau.
 - Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau.
5. Phụ lục VII: Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng.

Cà Mau, ngày 01 tháng 11 năm 2010

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ TUYẾT

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
PHÓ TÓNG GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN AN NINH

ĐÀO CÔNG KHANH

TRẦN QUỐC PHONG

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG – CN TP. HCM

GIÁM ĐỐC

